

LỜI NÓI ĐẦU

Mỗi đơn vị kinh tế là một tế bào của nền kinh tế xã hội. Nền kinh tế xã hội càng phát triển thì kế toán ngày càng giữ vai trò hết sức quan trọng trong quản lý kinh doanh, vì nó là bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lý tài chính có vai trò tích cực trong quản lý điều hành và kiểm soát của các hoạt động kinh tế của Nhà nước cũng như các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn có một bộ phận vốn dừng lại ở hình thái tiền tệ, bộ phận này gọi là Vốn bằng tiền. Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung nên trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí do vậy vốn bằng tiền cần được quản lý một cách chặt chẽ.

Với kiến thức đã học trong nhà trường và thực tế tìm hiểu tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền”, nhằm củng cố nâng cao kiến thức và hi vọng góp một phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện các nghiệp vụ cơ bản về kế toán tài chính của doanh nghiệp. Nội dung của bài khóa luận gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán Vốn bằng tiền trong Doanh nghiệp

Phần 2: Thực tế tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại XN Vật tư và Vận tải

Phần 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại XN Vật tư và Vận tải

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ của thầy cô trong khoa QTKD và đặc biệt là sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của **ThS. Hoà Thị Thanh Hương**, mặc dù đã cố gắng rất nhiều, nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Do đó em rất mong nhận được sự góp ý phê bình của các thầy cô giáo để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Trần Thị Ngọc Hải

PHẦN 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền****1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn bằng tiền****1.1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền:**

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, một doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường và làm ăn có hiệu quả thì nhất thiết phải có một lượng vốn nhất định. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, nó tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

1.1.2. Phân loại vốn bằng tiền

❖ Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam
- Ngoại tệ
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

❖ Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1. Vị trí:

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn bằng tiền nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

1.1.3.2. Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

1.1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán Vốn bằng tiền

1.1.4.1. Vai trò của kế toán Vốn bằng tiền:

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê,

phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.4.1.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Giám đốc thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.2. Tổ chức kế toán Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

1.2.1. Những quy định chung về hạch toán kế toán Vốn bằng tiền.

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị

trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có các TK 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Nhóm Tài khoản Vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các TK doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp SXKD có hoạt động đầu tư XDCB) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB - giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán).

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản Vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

❖ *Nhóm tài khoản 11 – Vốn bằng tiền, có 3 tài khoản:*

- Tài khoản 111 – Tiền mặt;
- Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng;
- Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển.

1.2.2. Hạch toán kế toán tiền mặt

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

❖ Các chứng từ, sổ sách sử dụng:

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, chi.

Phiếu thu (hoặc Phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu qui định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu (phiếu chi), số của từng phiếu thu (phiếu chi) phải đánh liên tục trong 1 kì kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hoá đơn bán hàng, biên lai thu tiền ...

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ vào cuối ngày.

“Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a- DN tương tự sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK 111- Tiền mặt

❖ Nguyên tắc hạch toán:

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có Phiếu thu, Phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất, quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ

tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ

❖ Các quy định chung:

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ Liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán).

Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh

lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

❖ Hạch toán thu đối với ngoại tệ:

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam

❖ Hạch toán chi đối với ngoại tệ:

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 - Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái):

❖ Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK 4132) và của hoạt động sản xuất, kinh doanh (TK 4131):

c. Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý:

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong

các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước hay phương pháp thực tế đích danh.

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng

Cũng tương tự như kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như phiếu thu, phiếu chi, các lệnh chi, các hợp đồng...

Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền kế toán sẽ lập phiếu thu (phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó kế toán tiền mặt sẽ tiến hành định khoản, ghi sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán tiền mặt đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và các báo cáo kế toán khác.

❖ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt

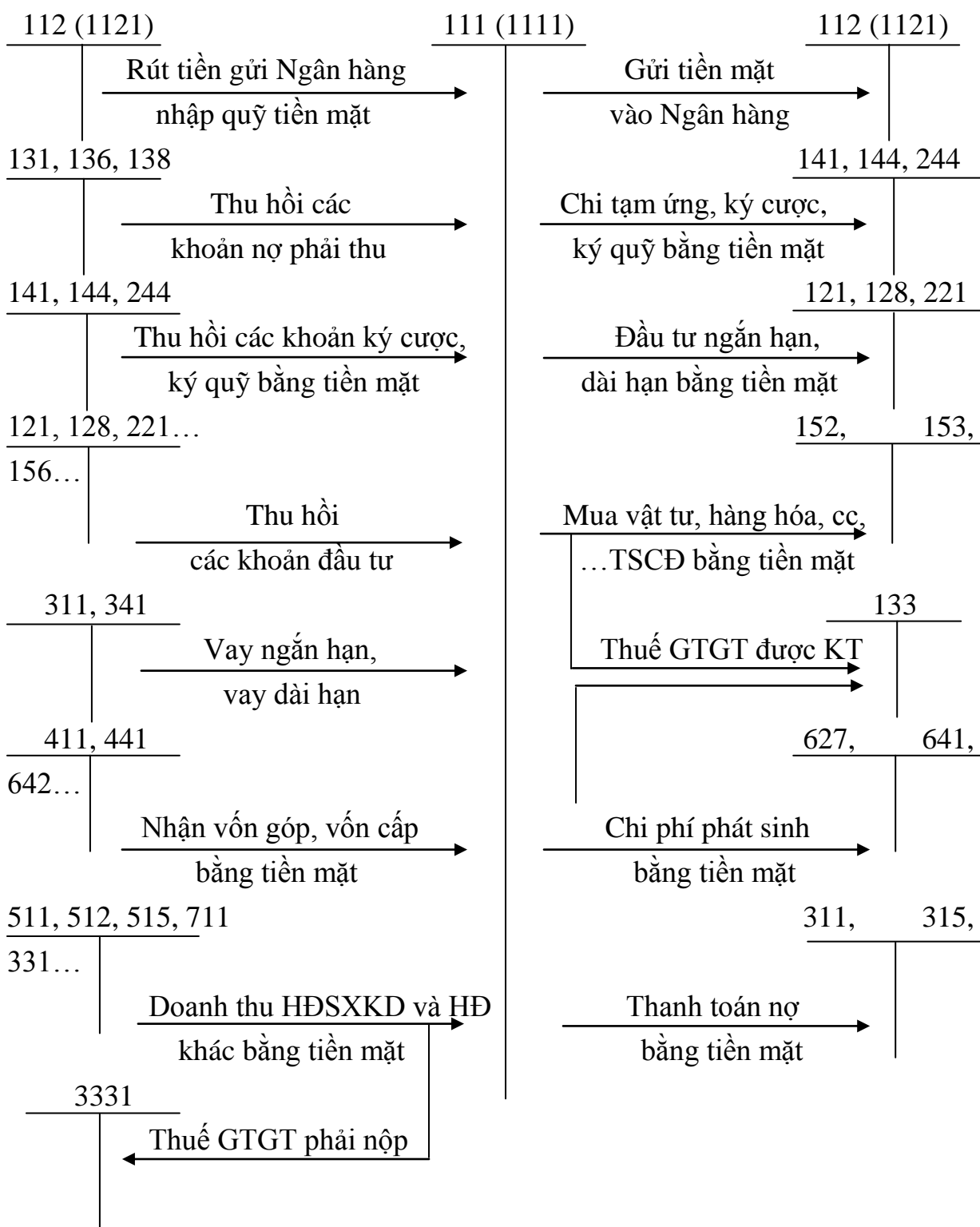
- *Tài khoản 1112 – Tiền ngoại tệ:* Phản ánh tình hình thu chi ngoại tệ

- *Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

❖ Sơ đồ kế toán

a. Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam

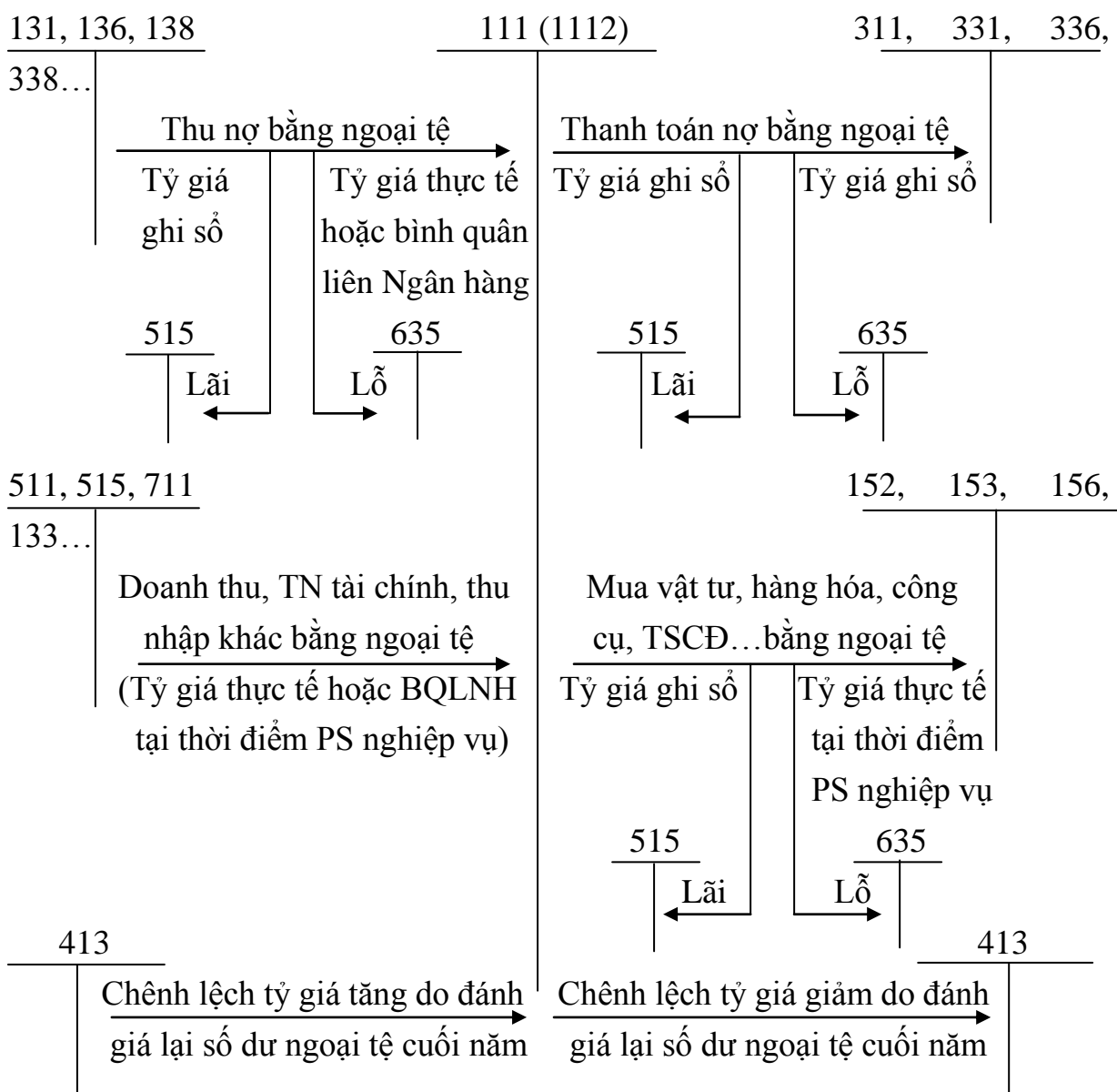
Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.1) :



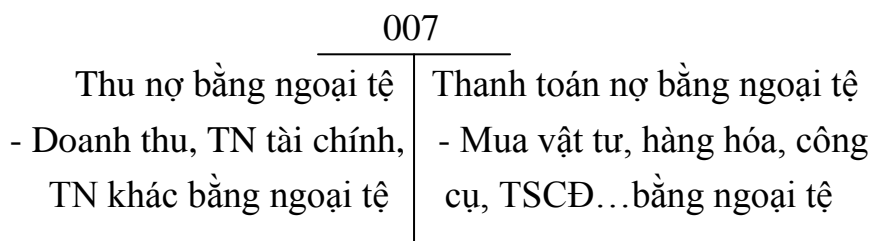
Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)

b. Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (sơ đồ 1.2) :



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)

1.2.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng

a. Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam

- ❖ Chứng từ, sổ sách dùng để hạch toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng
 - Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
 - Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.
 - Sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ (S31-DN), sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng,...
- ❖ Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112 - TGNH
 - Căn cứ để hạch toán trên Tài khoản 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi, ...).
 - Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân

hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

b. Đối với tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ:

❖ Sổ sách sử dụng:

Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ (S32-DN), sổ chi tiết theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN),

❖ Nguyên tắc hạch toán:

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.

1.2.3.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê, lệnh chuyển có, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,...

Ngoài ra còn sử dụng các sổ sách tổng hợp liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Hạch toán tiền gửi Ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112-TGNH. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng;

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng;

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

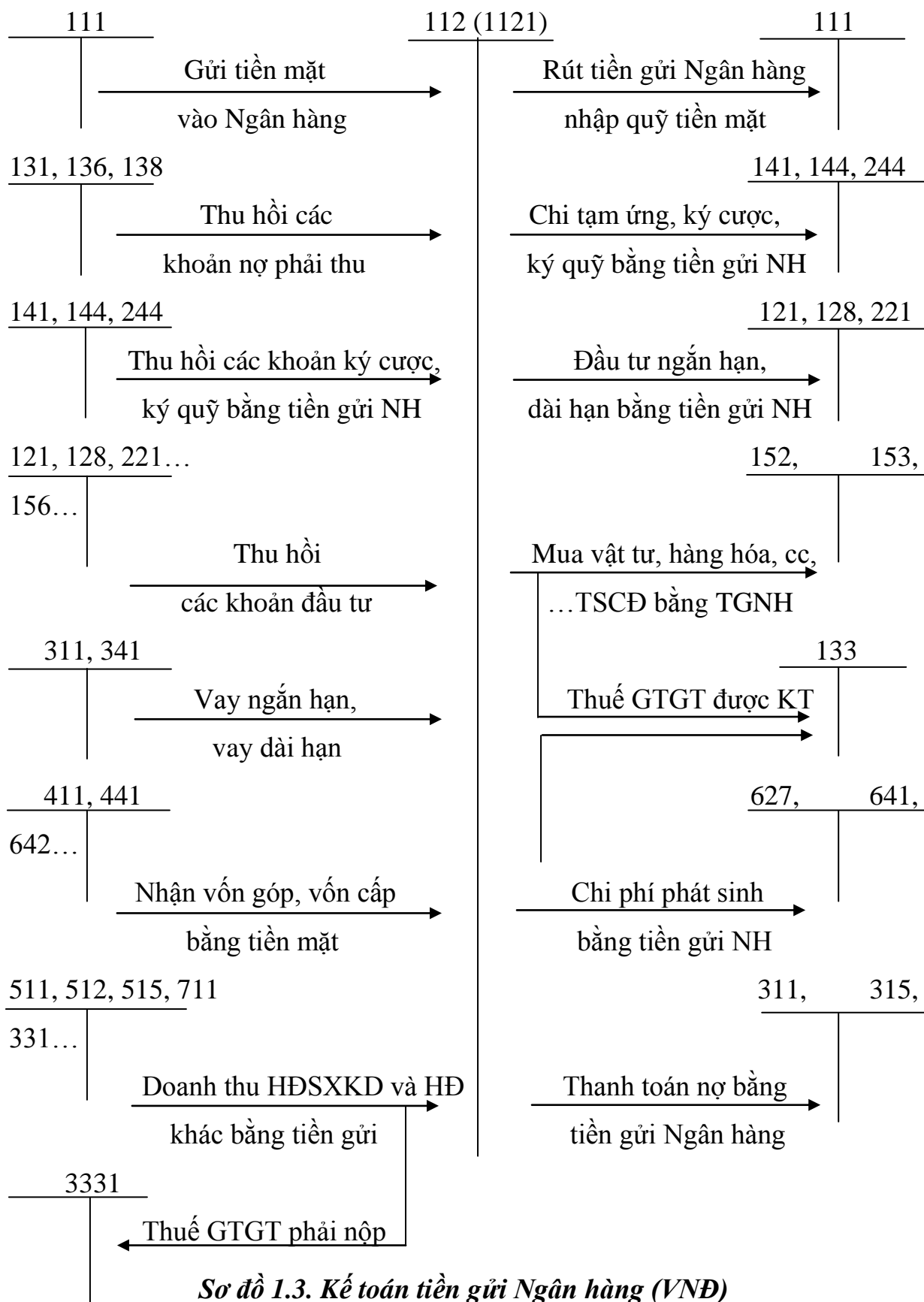
- *Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 – Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

a. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam

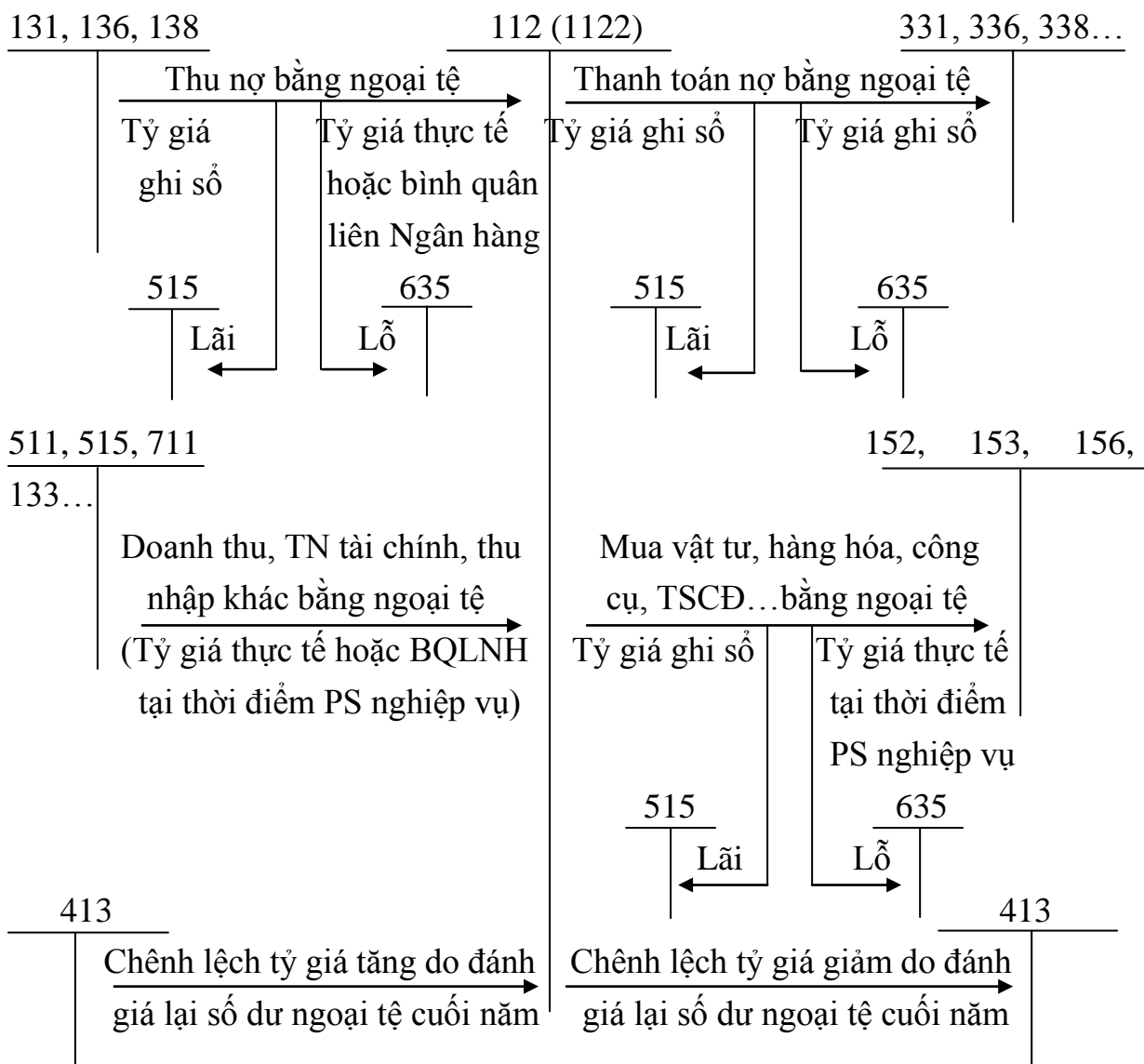
Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.3) :



Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

b. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ :

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.4) :



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113- “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

- *Tài khoản 1132 - Ngoại tệ:* Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.4.3. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bảng sao kê chi tiết của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

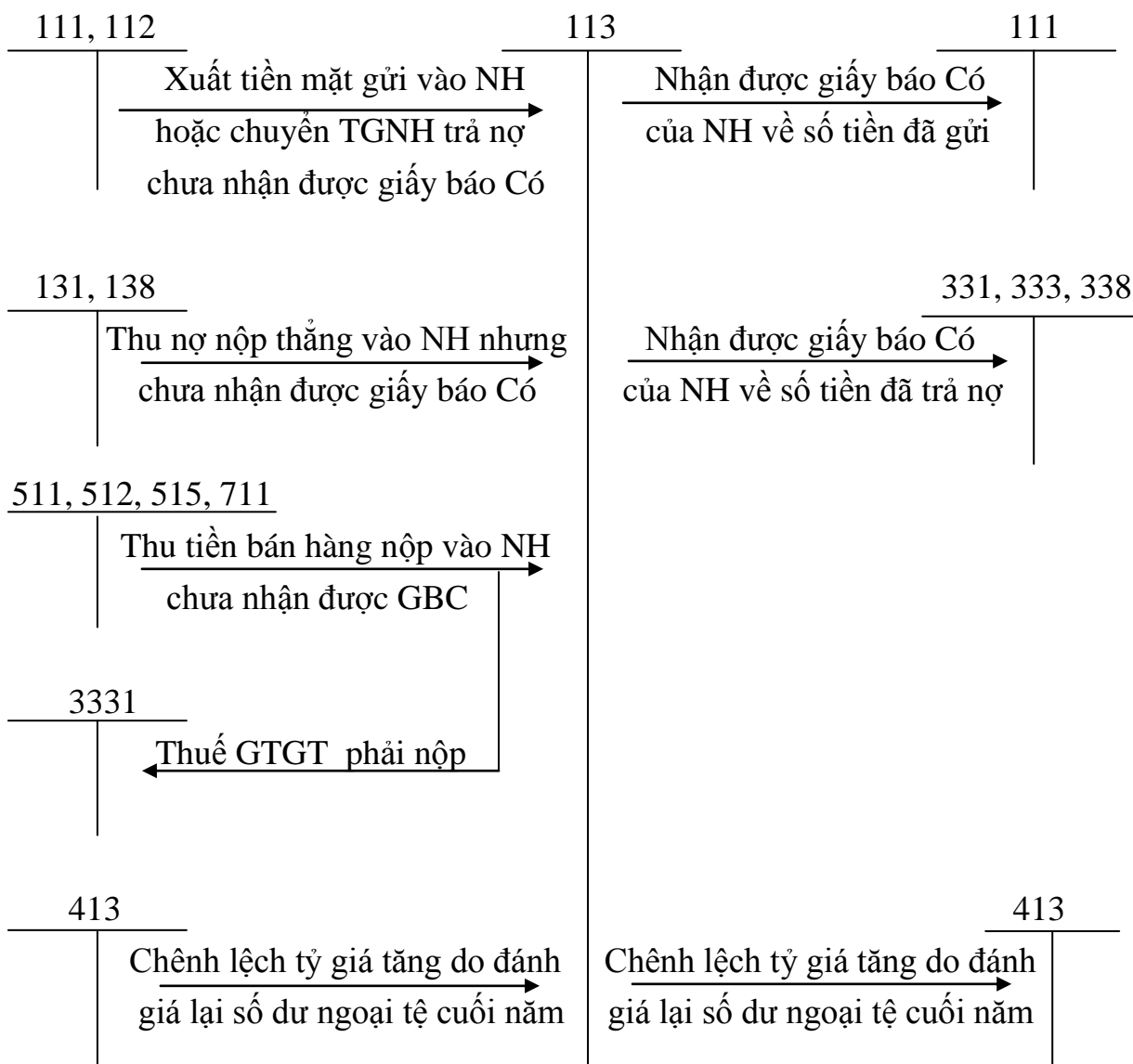
- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

1.2.4.4. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.5) :



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển

1.2.5. Các hình thức ghi sổ kế toán *Vốn bằng tiền*:

Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan Nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

+ Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

+ Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.

+ Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.

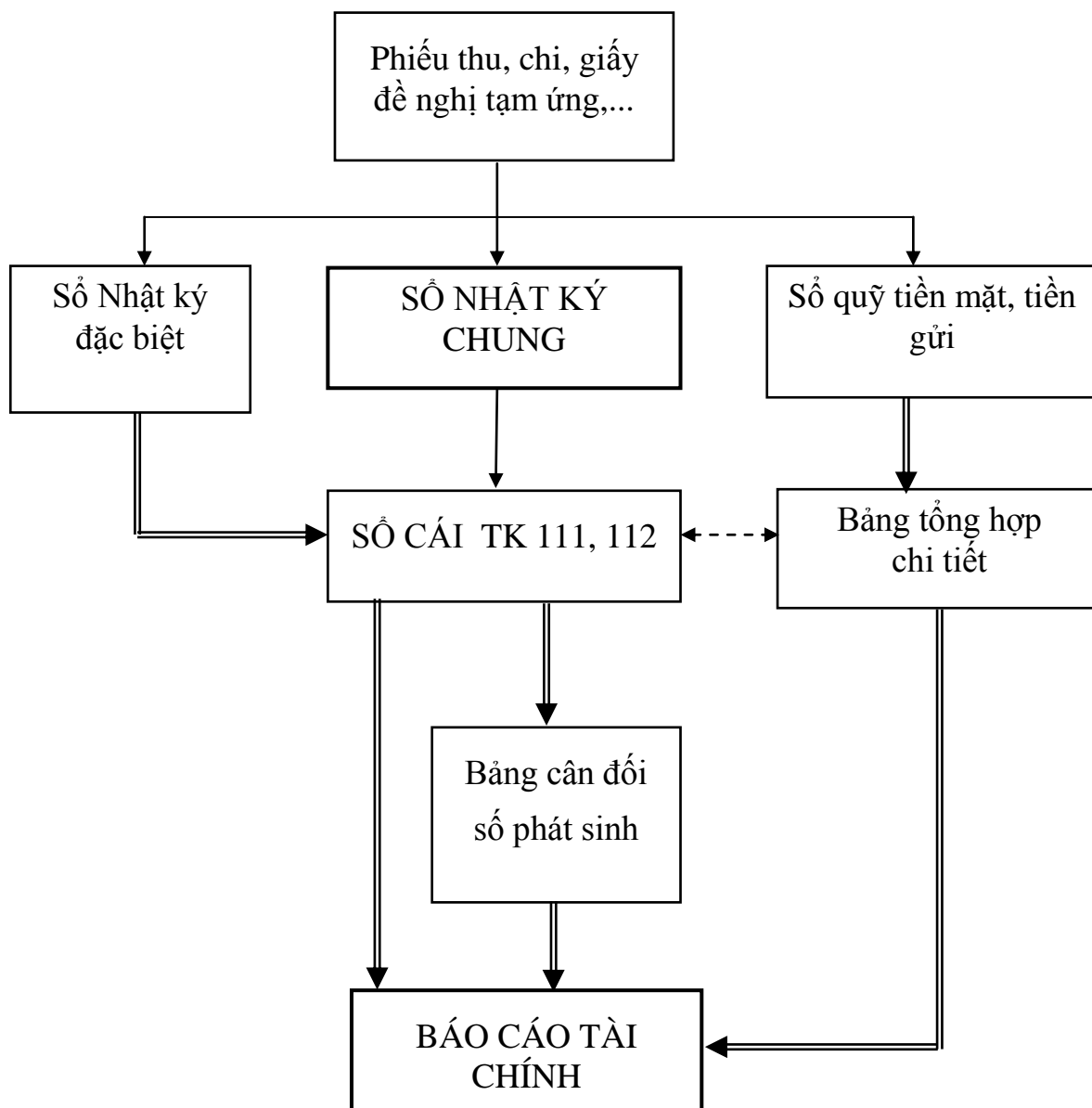
+ Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán :

- Nhật ký- sổ cái
- Nhật ký chung
- Nhật ký chứng từ
- Chứng từ ghi sổ
- Kế toán máy

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp. Dưới đây là trình tự ghi sổ kế toán của các hình thức ghi sổ:

❖ Hình thức Nhật ký chung:

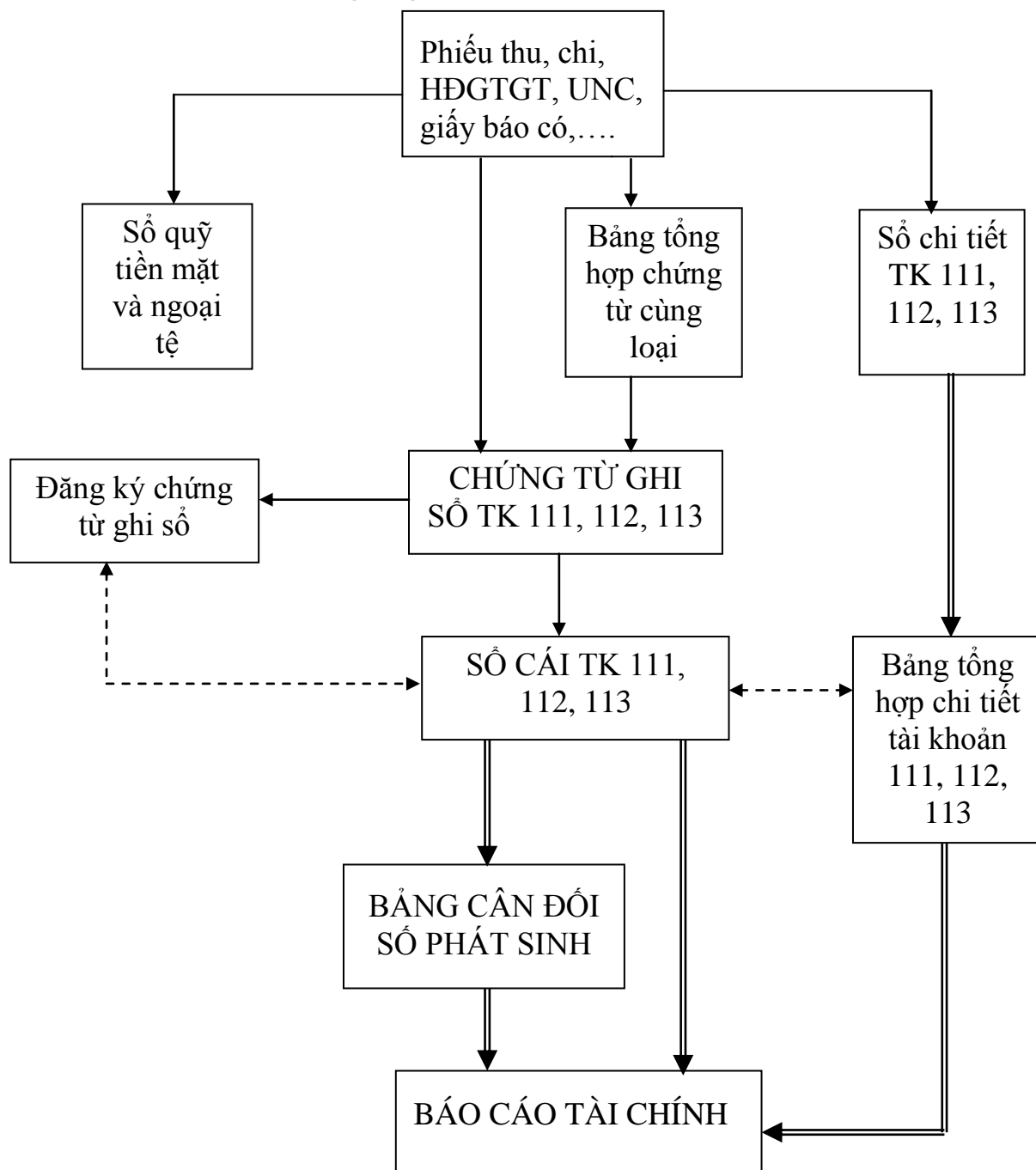


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←- - ->

Sơ đồ 1.6. Kế toán vốn bằng tiền của hình thức Nhật ký chung

❖ Hình thức Chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

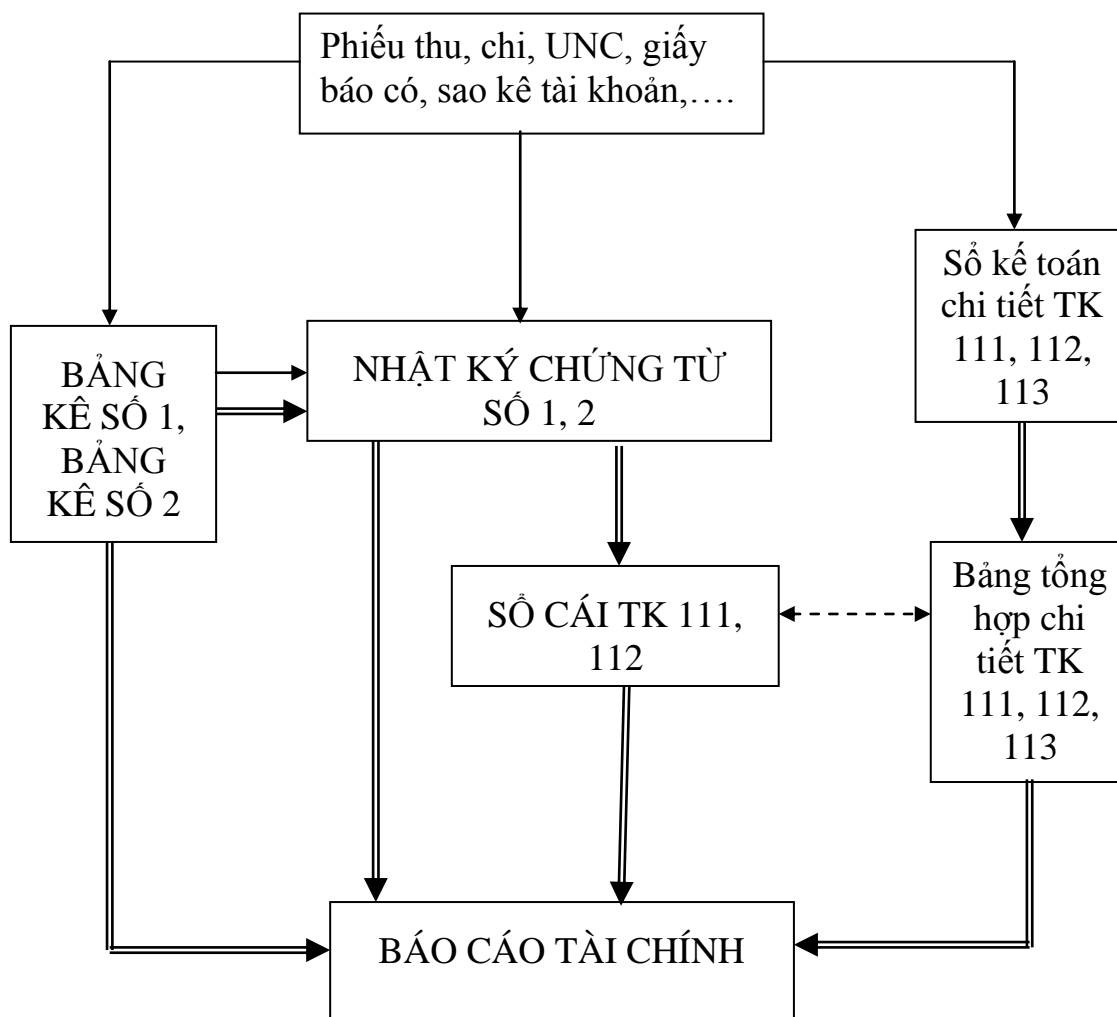
Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.7. Kế toán vốn bằng tiền của hình thức Chứng từ ghi sổ

❖ Hình thức Nhật ký chứng từ:

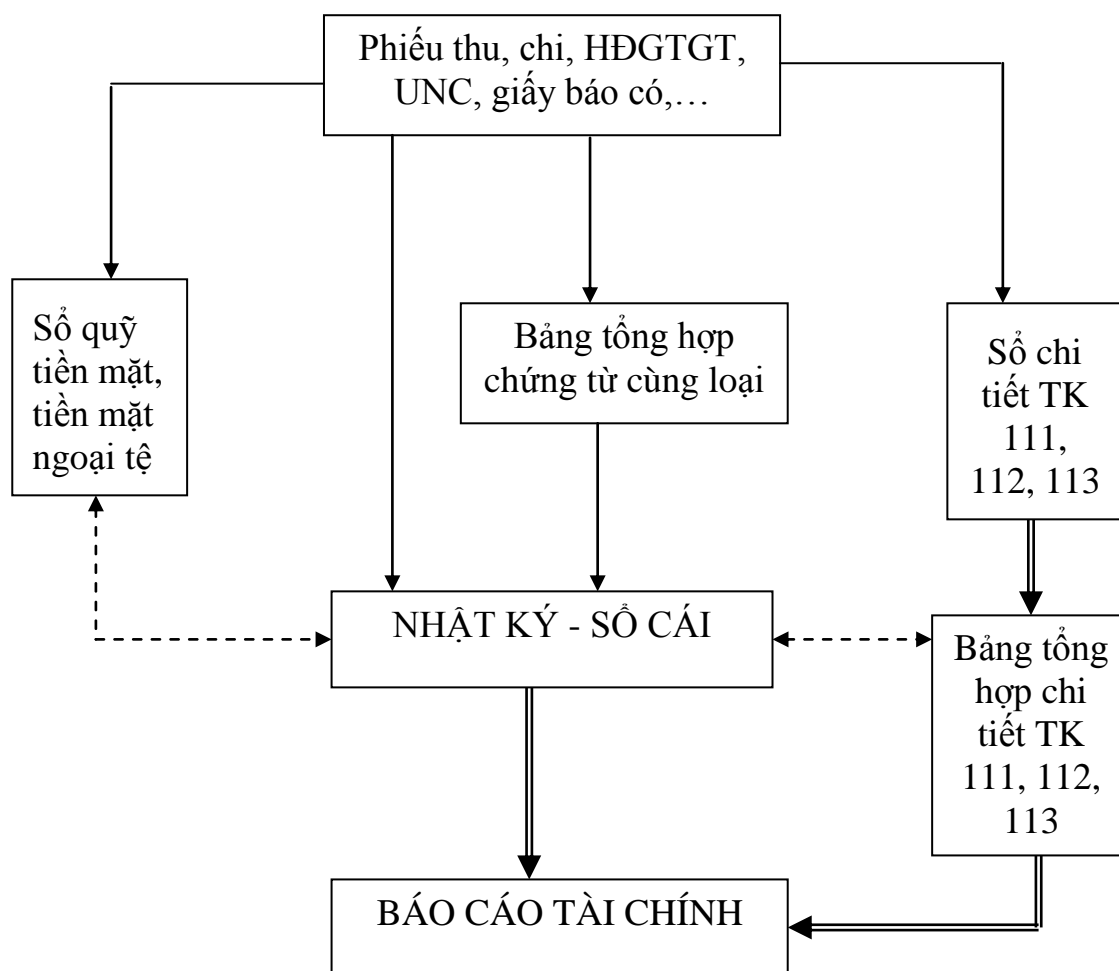


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.8. Kế toán vốn bằng tiền của hình thức Nhật ký chứng từ

❖ Hình thức Nhật ký sổ cái:



Ghi chú:

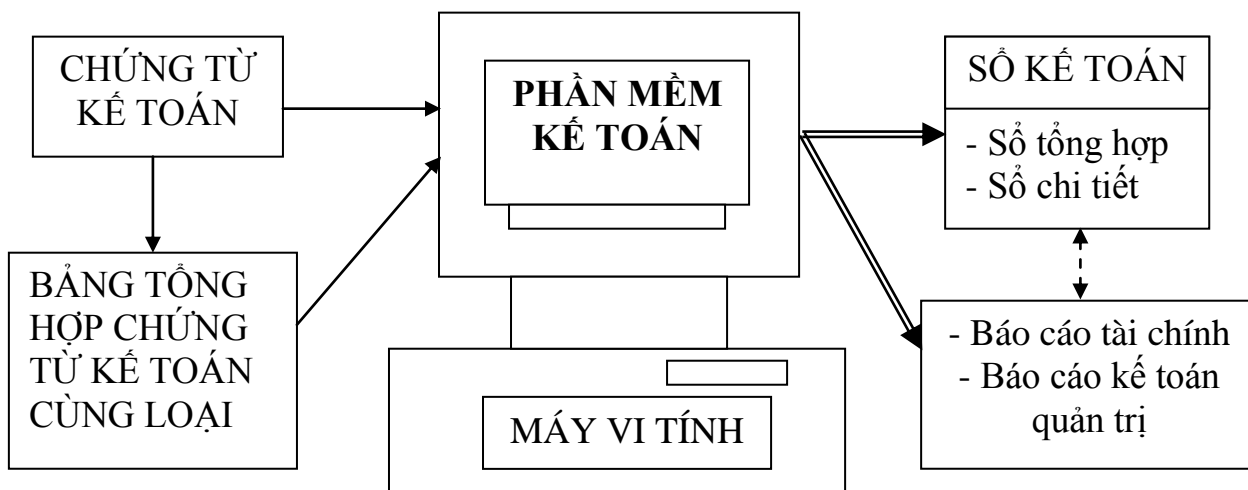
- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9. Kế toán vốn bằng tiền của hình thức Nhật ký sổ cái

❖ Hình thức Kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy

trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy

PHẦN 2

THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

2.1. Giới thiệu chung về Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Chi nhánh Công Ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Dịch vụ - TKV - Xí Nghiệp Vật Tư và Vận Tải đóng tại số 4 Cù Chính Lan - phường Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng tiền thân là 1 Tổng kho thiết bị của Bộ công nghiệp nặng được hình thành từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước (1969) làm nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản, cung cấp thiết bị máy móc cho ngành Công nghiệp. Trong giai đoạn đế quốc Mỹ đánh phá miền Bắc ác liệt nhất với nhiệm vụ là tiếp nhận, vận chuyển hàng hoá trong ngành cũng như giải toả an toàn hàng hoá qua Cảng Hải Phòng, toàn thể cán bộ công nhân viên trong Xí nghiệp đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Khi đất nước thống nhất, Xí nghiệp lúc đó là Tổng kho II thuộc Công ty Vật tư - Bộ Điện và Than. Xí nghiệp vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp nhận và bảo quản hàng hoá dự trữ của Bộ Điện và Than. Đến đầu năm 1988, Tổng kho II sát nhập với Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển lấy tên là Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Vật tư và Vận tải thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Than (Coalimex) - Bộ Mỏ và Than (sau này chuyển thành Bộ Năng Lượng). Lúc này ngoài nhiệm vụ tiếp nhận và bảo quản hàng hoá dự trữ, Xí nghiệp còn được giao nhiệm vụ vận tải thuỷ, vận tải bộ vật tư thiết bị cho ngành Than. Khi nhà nước thành lập một số Tổng công ty như: Tổng công ty 90, Tổng công ty 91... Trong đó có Tổng công ty Than Việt Nam được thành lập năm 1995, Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tách khỏi Công ty Coalimex và trực thuộc Công ty Thương mại và Dịch vụ tổng hợp – TVN theo quyết định số 1214 TVN/TCNS ngày 04/07/1995 của Tổng Công ty Than Việt Nam.

Thực hiện chương trình đổi mới Cổ phần hoá Doanh nghiệp của Nhà nước cũng như ngành Than, đến năm 2005, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải với tên gọi

đầy đủ: Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thương mại & Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam.

2.1.1.1. Tình hình, đặc điểm của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Tên đầy đủ của xí nghiệp: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Tên viết tắt: Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Mã số thuế: 02 00170658001

Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Sỹ

Địa chỉ: Số 4 Cù Chính Lan - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Điện thoại: (031) 3.823141 Fax: (031) 3.842984

Đăng ký kinh doanh số 0213001311 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/03/2007.

Đơn vị chủ quản: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ – TKV.

Tên giao dịch (tiếng Anh): ITASCO

Trụ sở giao dịch: Số 1 Phan Đình Giót – Thanh Xuân – Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.664.7595

Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Nhà nước.

Quy mô hoạt động: Doanh nghiệp lớn

- ❖ Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213001311 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/03/2007, Ngành nghề kinh doanh của đơn vị bao gồm:

+ Sản xuất phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ.

+ Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu đẩy 150 - 200 mã lực, xà lan 250 - 500 tấn)

+ Bán ô tô và các xe có động cơ khác, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ.

+ Bán buôn hàng may mặc, hàng giày dép, máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng, các loại máy khác.

+ Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện, xăng dầu, sắt thép.

+ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường thuỷ.

+ Kho bãi và lưu trữ hàng hoá trong kho.

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải trong quá trình hoạt động.

2.1.2.1. Thuận lợi.

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải có địa chỉ tại Số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng - Hải Phòng, quy mô hoạt động SXKD vừa với những điều kiện thuận lợi về môi trường: Hải Phòng là thành phố Cảng có nền công nghiệp phát triển mạnh với vị trí thuận lợi tạo điều kiện cho việc giao lưu buôn bán, thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế, có nhiều tiềm năng thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Hải Phòng cũng là thành phố có nhiều cảnh quan đẹp thu hút khách du lịch tham quan tạo mối quan hệ kinh tế các vùng, nguồn lao động dồi dào, con người Hải Phòng năng động, sáng tạo, biết tìm tòi, học hỏi và phát huy cái mới, giám đương đầu với thử thách.

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải một đơn vị có bề dày về hoạt động tiếp nhận, vận chuyển vật tư hàng hoá với 07 đoàn xà lan thì 06 đoàn được đóng gấn đây nhất, phù hợp với hoạt động vận chuyển hiện nay.

Bên cạnh đó được sự giúp đỡ của Bộ Năng Lượng, cùng với mối quan hệ làm ăn lâu dài đã tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động SXKD của Xí nghiệp phát triển.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề cao đã tạo nên bộ máy tổ chức đồng bộ, ăn khớp, hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo nên sự vững mạnh của Xí nghiệp.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp, chính sự lãnh đạo của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết tập thể, sự nhất trí trong mọi hoàn cảnh, mọi hoạt động của cán bộ công nhân viên là yếu tố cơ bản giúp Xí nghiệp luôn đạt được những thành tích trong SXKD và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình với Ngân sách Nhà nước, trở thành đơn vị dẫn đầu toàn Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Than Việt Nam.

2.1.2.2. Khó khăn.

Phạm vi hoạt động SXKD của Xí nghiệp chủ yếu trong ngành than nhưng do cơ chế thị trường, Xí nghiệp vẫn phải chịu ảnh hưởng rất lớn của sự cạnh tranh giữa các đơn vị trong ngành có cùng đặc điểm SXKD, chưa kể đến đơn vị ngoài ngành.

2.1.2.3. Những thành tích cơ bản mà Xí nghiệp Vật tư và vận tải đạt được trong những năm gần đây.

Những thành tích mà Xí nghiệp đạt được thể hiện cụ thể trong bảng kết quả về một số chỉ tiêu chủ yếu của Xí nghiệp ba năm gần đây như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	GT tổng sản lượng	Đồng	97.808.972.006	194.421.138.379	245.837.422.516
2	Doanh thu thuần	Đồng	139.647.826.973	236.236.083.009	288.471.354.945
3	Tổng chi phí	Đồng	139.229.011.048	232.781.983.551	285.801.950.898
4	Lợi nhuận	Đồng	418.815.925	3.454.099.548	2.669.404.047
5	Lao động BQ	Người	196	198	198
6	Tiền lương BQ	Đồng	5.090.000	5.872.000	6.471.000

* Thông qua các số liệu ở bảng trên ta có thể thấy được những thành tích Xí nghiệp đạt được trong năm 2009 so với năm trước

- Giá trị tổng sản lượng của Xí nghiệp tăng 51.416.284.200đ
- Số lao động BQ của Xí nghiệp không đổi so năm 2008
- Doanh thu thuần tăng 52.235.271.900đ
- Tổng chi phí tăng 53.019.922.300đ
- Lợi nhuận giảm 784.695.501đ

Như vậy, trong năm 2009, Xí nghiệp đã thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng nhân tố lao động một cách hiệu quả làm tăng các chỉ tiêu kinh tế. Đây là một kết quả đáng được phát huy.

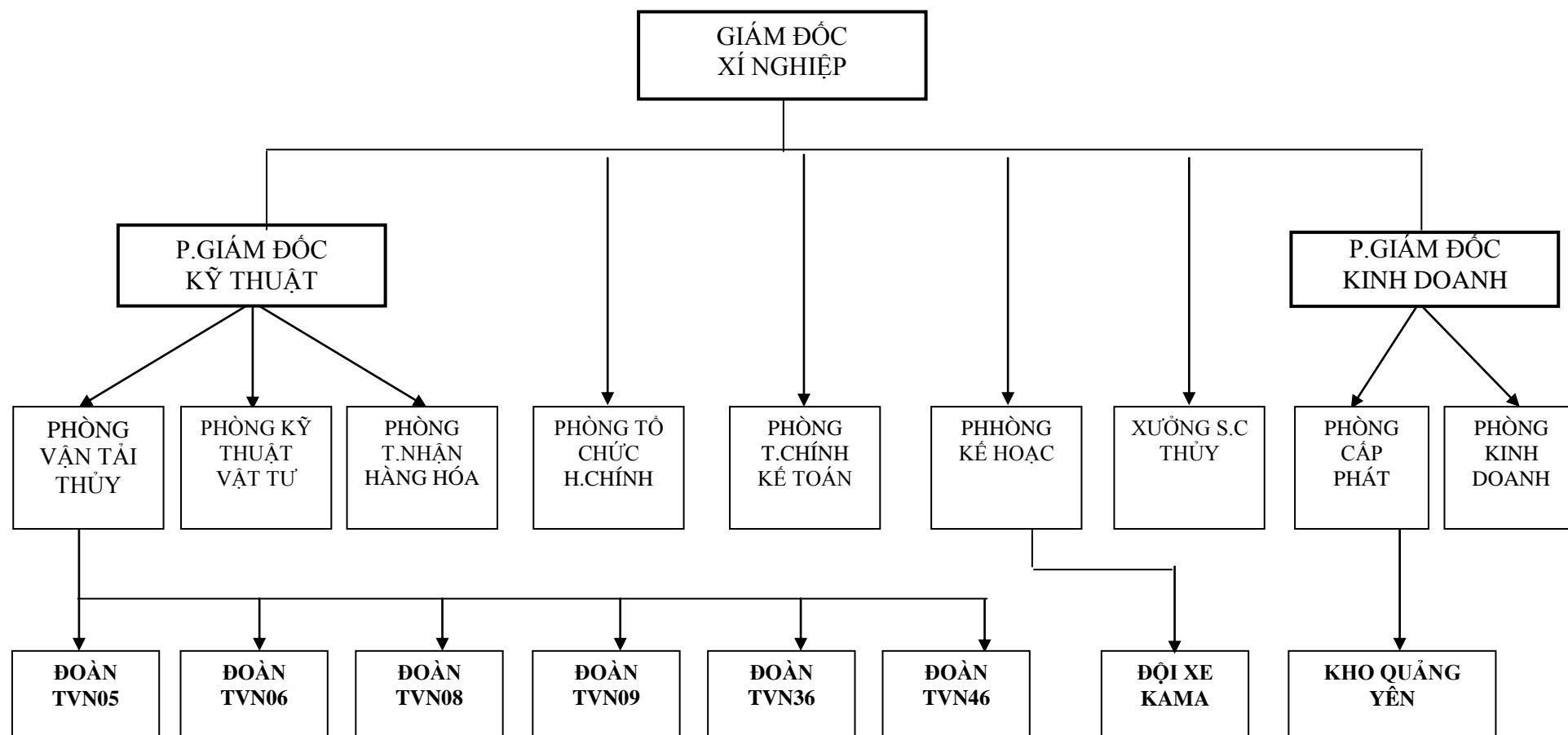
Có nhiều yếu tố tích cực dẫn đến kết quả trên:

- Do đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cũng như năng lực lãnh đạo ngày càng được nâng cao, nên đã góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD của Xí nghiệp ngày càng phát triển.
- Do đội ngũ công nhân viên các tổ đội năng động, có kinh nghiệm về trình độ tay nghề, có thức trách nhiệm, luôn hoàn thành xuất sắc công việc được giao đem lại hiệu quả kinh tế cao trong công việc .

2.1.2.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Căn cứ vào quy mô, chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng (Sơ đồ 2.1)

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải



❖ **Chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các phòng ban, bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Xí nghiệp:**

➤ ***Giám đốc Xí nghiệp.***

Là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Xí nghiệp.

Là người chịu trách nhiệm trước Xí nghiệp và các cơ quan quản lý, cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp về thu nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước và cấp trên.

Điều hành trực tiếp và giao nhiệm vụ tham mưu cho 2 Phó Giám đốc theo chức năng của mỗi người.

Điều hành trực tiếp một số phòng nghiệp vụ về hoạt động SXKD bao gồm:

- Phòng tổ chức hành chính về một tổ chức nhân sự, lao động tiền lương.
- Phòng kế hoạch về kế hoạch SXKD và ký kết các hoạt động kinh tế.
- Phòng kế toán tài chính về quản lý tài chính, quản lý chi phí trong hoạt động SXKD về báo cáo tài chính và các khoản thu nộp.
- Đội vận tải về kế hoạch SXKD của đội và các hợp đồng vận tải hàng hóa cho các nhà máy điện, đạm.
- Chi nhánh kho Quảng Yên về tổ chức nhân sự quản lý SXKD chung.
- Xưởng sửa chữa phương tiện thủy về tổ chức nhân sự, quản lý về SXKD, sửa chữa phương tiện thủy và ngoài Xí nghiệp.

➤ ***Phó Giám đốc kinh doanh.***

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp về các lĩnh vực trực tiếp tham gia điều hành quản lý kinh doanh của Xí nghiệp gồm:

- Điều hành trực tiếp phòng kinh doanh về mua bán vật tư, hàng hóa.

➤ ***Phó giám đốc kỹ thuật***

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp về công tác kỹ thuật, an toàn lao động tham gia điều hành:

- Điều hành trực tiếp xưởng sửa chữa về kỹ thuật, phương án sửa chữa phương tiện cho Xí nghiệp cũng như bên ngoài.
- Điều hành trực tiếp phòng vận tải thủy bao gồm các đoàn phương tiện thủy.

➤ ***Phòng tổ chức hành chính.***

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về công tác nhân sự, lao động, tiền lương và công tác nội chính trong Xí nghiệp

Có nhiệm vụ tổ chức và quản lý nhân sự, lao động về tiền lương của toàn Xí nghiệp, tổ chức quản lý phục vụ hành chính và quản lý điều hành hoạt động 05 xe con phục vụ trong Xí nghiệp.

➤ ***Phòng kế hoạch***

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về lập kế hoạch SXKD của Xí nghiệp, ký kết các hợp đồng kinh tế, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo các kỳ báo cáo, quản lý trực tiếp Đội Ô tô (bao gồm 10 xe Kamaz) vận chuyển than cho các Mỏ

➤ ***Phòng kế toán tài chính***

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về công tác thống kê, kế toán, tổ chức hạch toán quá trình SXKD, quản lý tài chính của Xí nghiệp.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp, trước bộ máy quản lý tài chính cấp trên, trước nhà nước(thuế, tài chính...) về công tác hạch toán quá trình SXKD và việc chấp hành chế độ kế toán, tài chính.

Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Xí nghiệp, cho các phòng ban chức năng, Xưởng, Đội, cho mỗi công nhân viên về chế độ quản lý tài chính, chế độ tiền lương, chi phí...trong mỗi hoạt động SXKD.

➤ ***Phòng tiếp nhận hàng hóa***

Chịu sự điều hành của Phó giám đốc kinh doanh về công tác lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ủy thác của Tập đoàn, Công ty và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

➤ ***Phòng kinh doanh***

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kinh doanh về công tác kinh doanh hàng hóa, vật tư, thiết bị phụ tùng cung cấp cho các đơn vị trong và ngoài ngành.

➤ ***Phòng kỹ thuật vật tư***

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kỹ thuật về vật tư, phụ tùng thay thế, kỹ thuật, an toàn của các phương tiện vận tải trong Xí nghiệp, theo dõi tình hình xuất tồn kho vật tư hàng hoá của Xí nghiệp, theo dõi công tác sửa chữa phương tiện của Xí nghiệp.

➤ ***Phòng vận tải thủy***

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc Xí nghiệp về công tác thực hiện các hợp đồng vận chuyển hàng với các đơn vị. Lập kế hoạch và tiến độ SXKD cho 6 đoàn phương tiện thủy để vận chuyển than phục vụ trong và ngoài ngành.

➤ ***Phòng cấp phát hàng***

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó giám đốc kinh doanh về công tác quản lý kho bãi và cầu cảng, giao nhận hàng hoá dự trữ của Tập đoàn.

➤ ***Xưởng sửa chữa phương tiện thủy***

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về cơ cấu quản lý nhân sự, quản lý kinh tế dưới sự chỉ đạo của Phó giám đốc kỹ thuật về phương diện lập dự toán sửa chữa phương tiện cho Xí nghiệp, đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng cho phương tiện khi sửa chữa kể cả trong và ngoài Xí nghiệp.

➤ ***Đội thanh tra bảo vệ***

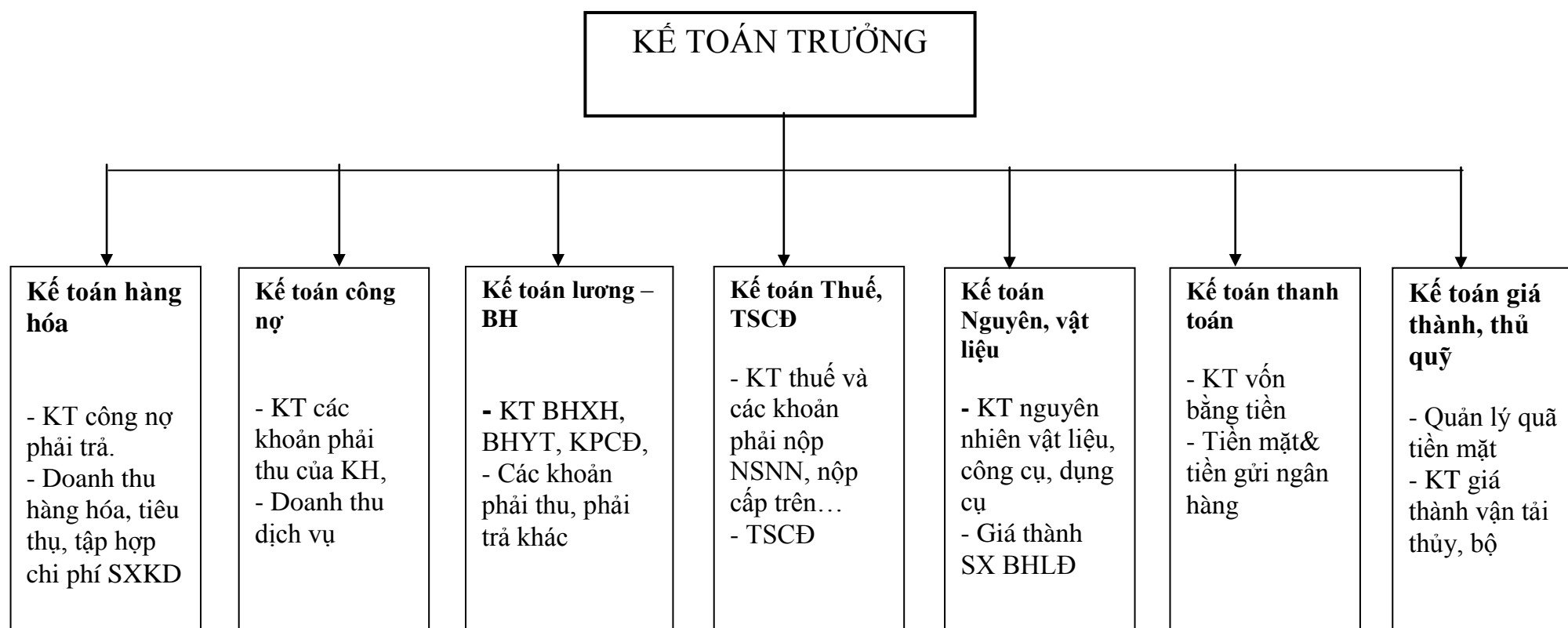
Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của phòng Tổ chức hành chính, làm công tác bảo vệ toàn bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật của Xí nghiệp. Tổ chức phòng, chữa cháy cho toàn bộ hệ thống văn phòng, kho tàng, bến bãi. Tổ chức quản lý về dân quân tự vệ theo yêu cầu của quân sự địa phương.

2.1.2.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán, chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

a. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

Xí nghiệp tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Tại phòng Tài chính - kế toán, kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hoá số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính tháng, quý, năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định. Việc tổ chức bộ máy kế toán ở Xí nghiệp tạo ra được những mối quan hệ giữa các phần hành kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động SXKD của Xí nghiệp. Bộ máy kế toán của Xí nghiệp hoạt động có hiệu quả, thu thập thông tin nhanh chóng chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí, được trình bày như trang sau (Sơ đồ 2.2)

Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải



Theo sơ đồ trên:**➤ Trưởng phòng kế toán:**

Là người trực tiếp phụ trách, điều hành toàn bộ, nghiệp vụ của phòng kế toán.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp, kế toán công ty về kết quả hoạt động của bộ máy kế toán Xí nghiệp, chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin do bộ máy kế toán Xí nghiệp cung cấp.

Trực tiếp tham gia công tác nghiệp vụ trong bộ máy kế toán của Xí nghiệp làm công tác kế toán tổng hợp, xác định kết quả SXKD, tổng hợp Báo cáo Tài chính và phân tích các hoạt động kinh tế của Xí nghiệp.

➤ Kế toán hàng hoá:

Phụ trách các phần hành bao gồm: Theo dõi các hoạt động kinh doanh hàng hoá của Xí nghiệp (xác định doanh thu, chi phí bán hàng hoá), các khoản công nợ phải trả cho người bán, tập hợp chi phí SXKD toàn Xí nghiệp.

➤ Kế toán công nợ:

Theo dõi các khoản công nợ phải thu của khách hàng, theo dõi doanh thu các hoạt động dịch vụ vận tải bộ, thủy, sửa chữa phương tiện thủy, cho thuê phương tiện và cho thuê kho bãi và cảng của Xí nghiệp.

➤ Kế toán lương và Bảo hiểm:

Tính và thanh toán tiền lương, thưởng và các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, các khoản vay phải trả Ngân hàng và cán bộ công nhân viên.

➤ Kế toán thuế, TSCĐ:

Theo dõi tình hình biến động về tài sản, trích khấu hao, tình hình sửa chữa TSCĐ.

Kê khai và hạch toán thuế và các khoản nộp ngân sách, các khoản trích nộp cấp trên (Công ty).

➤ Kế toán giá thành và thủ quỹ:

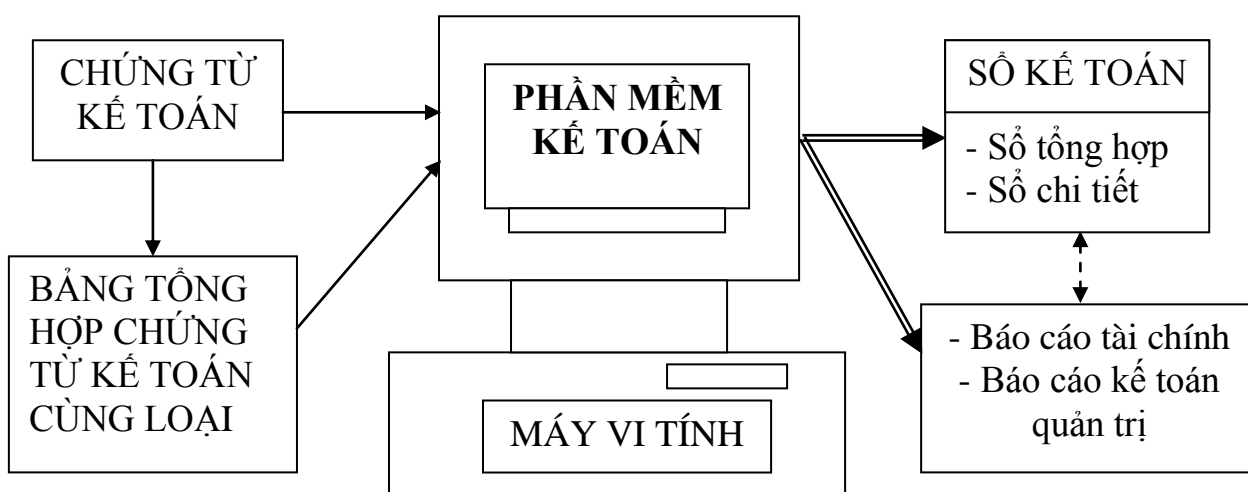
Theo dõi thu chi tiền mặt tại Xí nghiệp, đồng thời theo dõi giá thành của các đoàn phương tiện trong Xí nghiệp.

b. Hình thức ghi sổ kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

➤ *Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Xí nghiệp*

- Công ty áp dụng hình thức kế toán máy theo hình thức Nhật kí – chứng từ. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán theo một chương trình phần mềm. Hiện nay Xí nghiệp đang sử dụng phần mềm CADS 2002 do Tổng công ty thuê chuyên gia lập trình và cài đặt theo hình thức Nhật kí chứng từ. Từ màn hình máy tính, kích đúp vào biểu tượng CADS 2002, nhập mật khẩu người sử dụng màn hình, giao diện màn hình sẽ hiện ra.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

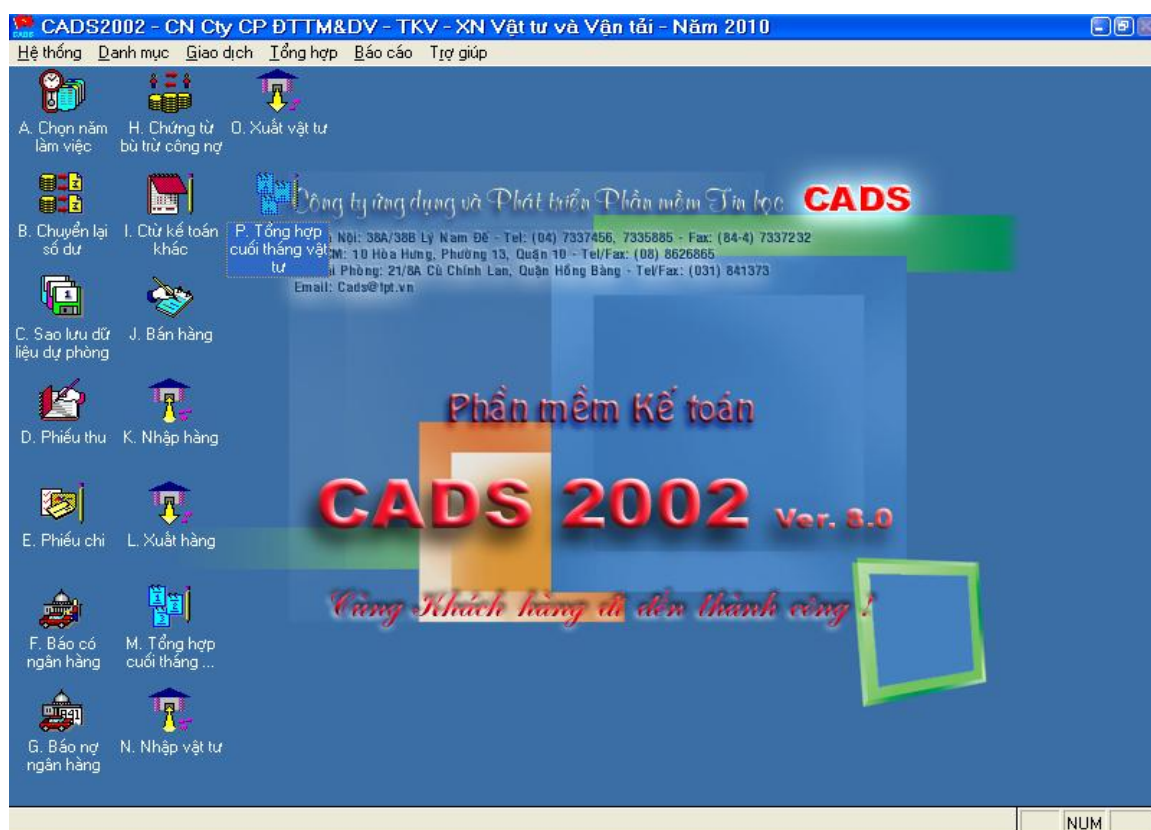


Ghi chú:

- ➔ Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----➔ Đối chiếu, kiểm tra
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Do Xí nghiệp Vật tư và Vận tải sử dụng phần mềm kế toán CASD 2002 nên từ các chứng từ gốc được kế toán nhập số liệu vào phần mềm sau đó phần mềm tự chạy vào các sổ sách có liên quan. Đến cuối tháng hoặc cuối quý thì in các sổ Tổng hợp. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán Nhật kí – chứng từ nên có các loại sổ không hoàn toàn giống mẫu sổ của hình thức Nhật kí chứng từ ghi bằng tay như: Bảng kê, Nhật kí chứng từ, Sổ chi tiết, Sổ cái.

Màn hình giao diện CADS 2002



Chính sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

- Kế toán hàng tồn kho tại Xí nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song.
- Tính giá xuất kho theo phương pháp đích danh.
- Kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao cơ bản TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ: Xí nghiệp áp dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam.

2.2. Thực tế tổ chức kế toán Vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Vốn bằng tiền của Xí nghiệp bao gồm tiền mặt tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng. Tại Xí nghiệp chỉ phát sinh các nghiệp vụ là Đồng Việt Nam, không phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

2.2.1. Thực tế tổ chức kế toán tiền mặt tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

- Tiền mặt được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của Xí nghiệp.
- Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại Xí nghiệp được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.
- Thủ quỹ đảm nhận việc thu chi tiền mặt ở quỹ của Xí nghiệp. Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy nộp tiền
- Giấy thanh toán tiền.
- Biên lai thu tiền
- Giấy đề nghị thanh toán

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 111 - Tiền mặt

2.2.1.3. Sổ sách sử dụng

- Sổ quỹ tiền mặt.
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Nhật ký chứng từ số 1
- Bảng kê số 1
- Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản
- Sổ cái tài khoản 111

2.2.1.4. Quy trình ghi sổ kế toán tiền mặt

a. Kế toán chi tiết tiền mặt.

➤ *Các nghiệp vụ thu tiền mặt*

Các nghiệp vụ thu tiền mặt chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm :

- Thu từ việc bán hàng hoá, kinh doanh dịch vụ, cho thuê kho bãi.
- Thu tạm ứng
- Các khoản thu khác

➤ *Lập phiếu thu trên phần mềm*

- Phiếu thu do kế toán lập: Sau khi nhập đầy đủ nội dung trên phiếu, kế toán in ra 2 liên và kí vào phiếu thu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu “Đã thu tiền”. Như vậy Phiếu thu được đính kèm và lưu trữ với các chứng từ gốc khác như Hóa đơn GTGT (Liên 3: Nội bộ).

Nghiệp vụ 1 :

Ngày 04/11/2009, Công ty Khánh Chi nộp tiền thuê kho bãi cho Xí nghiệp. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0006675 (Biểu số 2.1), kế toán viết phiếu thu số PT255A (Biểu số 2.2)

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Giao dịch chọn danh mục Chứng từ kế toán, màn hình hiện lên danh mục Phiếu thu, sau đó kích chuột trái vào Phiếu thu màn hình xuất hiện cửa sổ bao gồm một loạt Phiếu thu, ấn Enter sẽ xuất hiện Phiếu thu gần nhất, ấn F4 hiện lên Phiếu thu mới tiếp theo sau đó kế toán tiến hành nhập số liệu. Ấn F10 phần mềm tự động lưu thì số liệu trên phiếu thu đi vào Sổ chi tiết TK111.

Giao diện phiếu thu

Mẫu biểu 2.1

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MB/2008 B															
Liên 3 : Lưu nội bộ		0006675															
<i>Ngày 04 tháng 11 năm 2009</i>																	
Đơn vị bán hàng: CN CTY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DV TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI																	
Địa chỉ: Số 04 – Cù Chính Lan - HP																	
Số tài khoản:																	
Điện thoại:		MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>		0	2	0	0	1	7	0	2	5	8				
0	2	0	0	1	7	0	2	5	8								
Họ tên người mua hàng:																	
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và vận tải Khánh Chi																	
Địa chỉ: 84 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền - Hải Phòng																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán: TM		MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>		0	2	0	0	7	4	7	6	3	1				
0	2	0	0	7	4	7	6	3	1								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Thuê kho bãi tháng 11/2009				5.200.000												
Cộng tiền hàng:					5.200.000												
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			520.000												
Tổng cộng tiền thanh toán					5.720.000												
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.																	
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>													
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																	

Mẫu biểu 2.2

Đơn vị: XN Vật tư và Vận tải
Địa chỉ: Số 2 Cù Chính Lan - HP

Mẫu số 01 -TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU Số: PT 330

Ngày 04 tháng 11 năm 2009
Nợ: 1111
Có: 511, 3331

Người nộp tiền: Bùi Thị Gấm (Công ty Khánh Chi)
Địa chỉ: 84 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP
Lý do nộp: Thu tiền thuê kho bãi tháng 11/09
Số tiền: 5.720.000 đ (viết bằng chữ) Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng
chẵn.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): *Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.*

Ngày 04 tháng 11 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp Thủ quỹ

➤ *Các nghiệp vụ chi tiền mặt*

Các nghiệp vụ chi tiền mặt chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm :

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước
- Các khoản chi khác

➤ *Lập phiếu chi trên phần mềm*

- Phiếu chi do kế toán lập, sau khi nhập đầy đủ nội dung trên phiếu, kế toán in ra 1 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Và khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền phải ghi số tiền đã nhận bằng chữ, ký và ghi rõ họ tên vào phiếu chi. Thủ quỹ dùng phiếu chi này để ghi sổ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để

vào sổ kế toán. Như vậy phiếu chi được đính kèm và lưu trữ với các chứng từ gốc khác như Hóa đơn GTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi tháng 11 năm 2009 tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Nghiệp vụ 2 :

Ngày 04/11/2009, từ Hóa đơn GTGT (Biểu 2.3) nhận được từ Nhà hàng Hàn Quốc, bà Bùi Thị Loan đã viết Giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.4) tiền cho Nhà hàng Hàn Quốc, căn cứ vào hoá đơn GTGT, Giấy đề nghị thanh toán đã được phê duyệt, kế toán lập phiếu chi số 1071 (Biểu 2.5) và chuyển cho Giám đốc, kế toán trưởng ký duyệt. Sau khi Giám đốc, kế toán trưởng đã duyệt chi số tiền thủ quỹ tiến hành xuất quỹ.

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Giao dịch, chọn danh mục phiếu chi sau đó kích chuột trái vào phiếu chi màn hình xuất hiện của sổ bao gồm một loạt Phiếu chi, ấn Enter sẽ xuất hiện Phiếu chi gần nhất, ấn F4 hiện lên Phiếu chi mới tiếp theo sau đó kế toán tiến hành nhập số liệu. Ấn F10 phần mềm tự động lưu thì số liệu trên phiếu chi đi vào Sổ chi tiết TK111.

Giao diện phiếu chi

Mẫu biểu 2.3

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MB/2008 B			
Liên 3 : Lưu nội bộ		0006399			
<i>Ngày 03 tháng 11 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng: CTY CP TM BẠCH CHANG MY					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CN CTY CP ĐẦU TƯ TM & DV TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI					
Địa chỉ: Địa chỉ: Số 04 – Cù Chính Lan - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM		MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tiếp khách ngày 2 + 3/ 11/2009				5.810.000
Cộng tiền hàng:					5.810.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		581.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					: 6.391.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Mẫu biểu 2.4

CN CTY CP ĐTM & DV – TKV - XNVT&VT
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 03 tháng 11 năm 2009

Kính gửi: Bà Giám đốc Xí nghiệp

Tên tôi là: Bùi Thị Loan Thuộc Phòng TCHC

Đề nghị Giám đốc Xí nghiệp duyệt chi về việc tiếp khách Công ty CP than Đèo Nai – TKV, CTY CP Vận tải Viễn Dương Năm Triệu.

Tổng số tiền: **6.391.000** *Bằng chữ: Sáu triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng.*

Hải Phòng, ngày 03 tháng 11 năm 2009

Người đề nghị (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Phụ trách đơn vị (Ký, họ tên)	Giám đốc duyệt (Ký, họ tên)
----------------------------------	--------------------------------	----------------------------------	--------------------------------

Mẫu biểu 2.5

Đơn vị: XN Vật tư và Vận tải
Địa chỉ: Số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng -
HP

Mẫu số 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm
2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI Số: PC1071

Ngày 03 tháng 11 năm 2009

Nợ: 642; 1331

Có: 111

Người nhận tiền: Bùi Thị Loan
Địa chỉ: Phòng KTTC
Lý do chi: Trả tiền tiếp khách Cty CP Than Đèo Nai
Số tiền: 6.391.000 (viết bằng chữ) Sáu triệu ba trăm chín mươi
mốt nghìn đồng
Kèm theo: 01 HĐ000667

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ Sáu triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng.

Ngày 03 tháng 11 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

➤ *Sổ quỹ tiền mặt*

Từ các phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc trên, thủ quỹ tiến hành ghi Sổ quỹ tiền mặt. (Biểu 2.6)

Mẫu biểu 2.6

CTY CP ĐTTM&DV- TKV
 XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

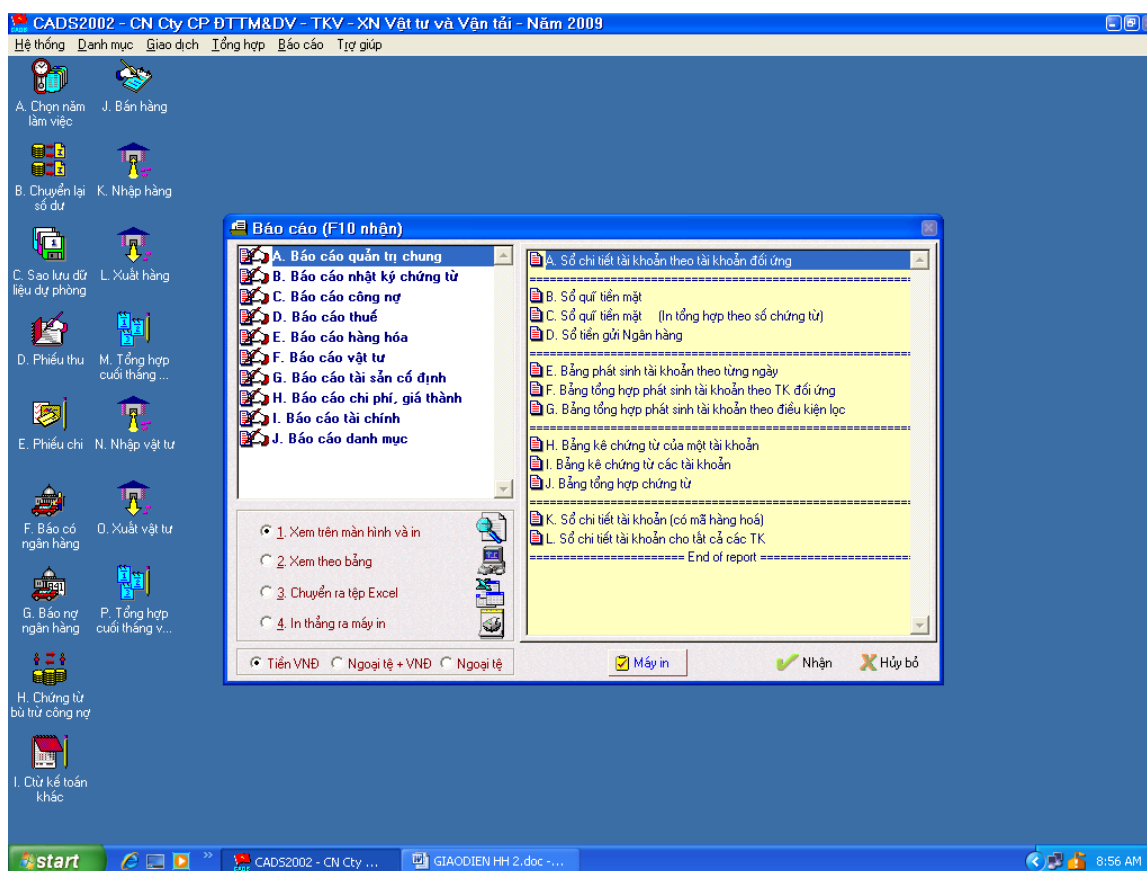
SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày: 30/11/2009

Chứng từ			Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
Ngày	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
			<u>Dư đầu</u>			<u>318.635.069</u>	
02/11	PT250		Thu tiền thuê văn phòng T10/09	2.200.000		320.835.069	
...	
03/11	PT255		Rút TGNH về nhập quỹ	300.000.000		645.792.053	
03/11		PC1071	Chi tiếp khách (CT CP Than Đèo Nai)		5.810.000 581.000		
...	
04/11	PT330		Thu tiền thuê kho bãi T11/09	5.200.000 520.000		634.051.053	
...	
29/11		PC1060	Mua trang bị đồng phục thu đông cho CBCNV hàng của CT Khánh Hưng		7.650.000 382.000	5.237.457	
...	
			<u>Dư cuối</u>			<u>3.862.457</u>	

(Trích Sổ quỹ tiền mặt của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo quản trị chung cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các sổ sách cần in sau đó kích chuột trái vào Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 111 của tháng 11: chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Sổ chi tiết TK111 (Bảng 2.1)



Bảng 2.1 Giao diện in Sổ chi tiết TK111

Mẫu biểu 2.7

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày 30/11/2009

Tài khoản 111- Tiền mặt

Dư nợ đầu ngày 318.635.069

Phát sinh nợ 3.848.124.690

Phát sinh có 4.162.897.302

Dư nợ cuối ngày 3.862.457

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
2/11	250	Thu tiền thuê văn phòng T10	1312	2.200.000	
2/11	251	Thu tiền điện quý 3	1312	3.928.000	
2/11	254	Thu tiền đặt cọc (DNTN Trúc Mai)	344	35.000.000	
...
...
03/11	1071	Chi tiếp khách (CTy Than Đèo Nai)	642		5.810.000
		Thuế GTGT	1331		581.000
...
04/11	330	Thu tiền thuê kho bãi T10/09	511	5.200.000	
		Thuế GTGT	3331	520.000	
...
26/11	1014	Trả tiền VC than (Đội VTTBCH QS Thái Bình)	3312		12.027.397
...
...
30/11	1071	Chi tiếp khách (CTy Than Đèo Nai)	642		10.826.753
		Thuế GTGT	133		1.202.972
...

Ngày... tháng... năm

Người lập

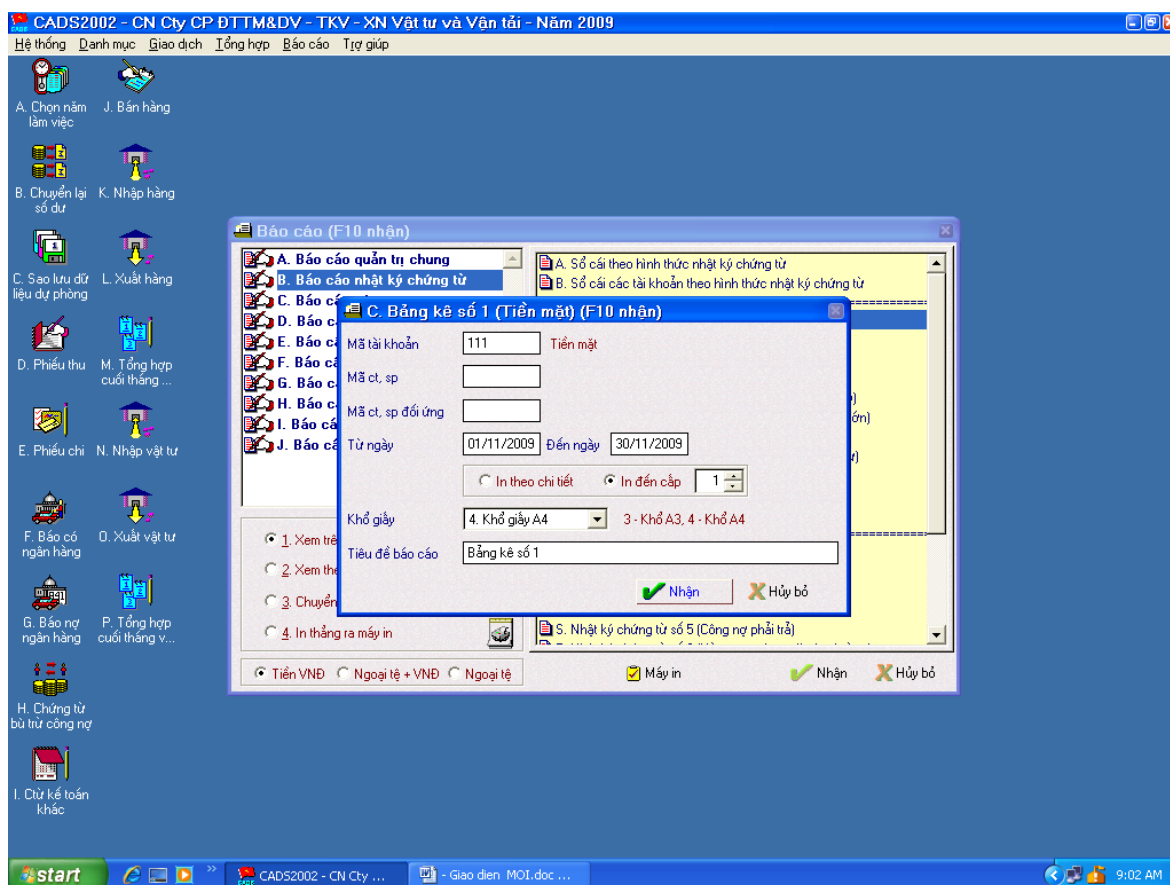
(Trích Sổ chi tiết TK 112 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

b. Kế toán tổng hợp tiền mặt.

➤ *Kế toán tổng hợp thu tiền mặt*

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Tổng hợp cuối tháng thì sẽ hiện ra cửa sổ tháng cần tổng hợp sau đó ấn Nhận thì phần mềm sẽ tự động tổng hợp.

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo quản trị chung cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các sổ sách cần in sau đó kích chuột trái vào Bảng kê chứng từ của một tài khoản, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 111 rồi chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Bảng kê số 1 (Bảng 2.2)



Bảng 2.2. Giao diện bảng kê số 1

Mẫu biểu 2.7

**CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV-
 XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI**

BẢNG KÊ SỐ 1
Ghi Nợ Tk: 111 – Tiền mặt

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày: 30/11/2009 Số dư đầu tháng: 318.635.069

Ngày	Cộng PS nợ	TK Có 112	TK Có 131	TK Có 138	TK Có 141	TK Có 311	TK Có 344	Dư cuối ngày
02/12	64.178.000		14.178.000			15.000.000	35.000.000	345.792.053
03/11	300.000.000	300.000.000						618.716.053
04/11			5.720.000					329.821.053
07/11	500.000.000	500.000.000						825.564.053
11/11	69.548.100				19.548.100	50.000.000		770.361.653
13/11	1.004.370.000	1.000.000.000			4.370.000			842.216.322
19/11	200.000.000	200.000.000						694.294.797
20/11	1.005.300.002	1.000.000.000	5.000.000	300.002				760.789.989
27/11	97.950.00		15.950.000		82.000.000			587.756.951
30/11	601.058.588	600.000.000		1.058.588				3.862.457
Cộng	3.848.124.690	3.600.000.000	40.848.000	1.358.590	105.918.100	65.000.000	35.000.000	

Số dư cuối tháng: 3.862.457

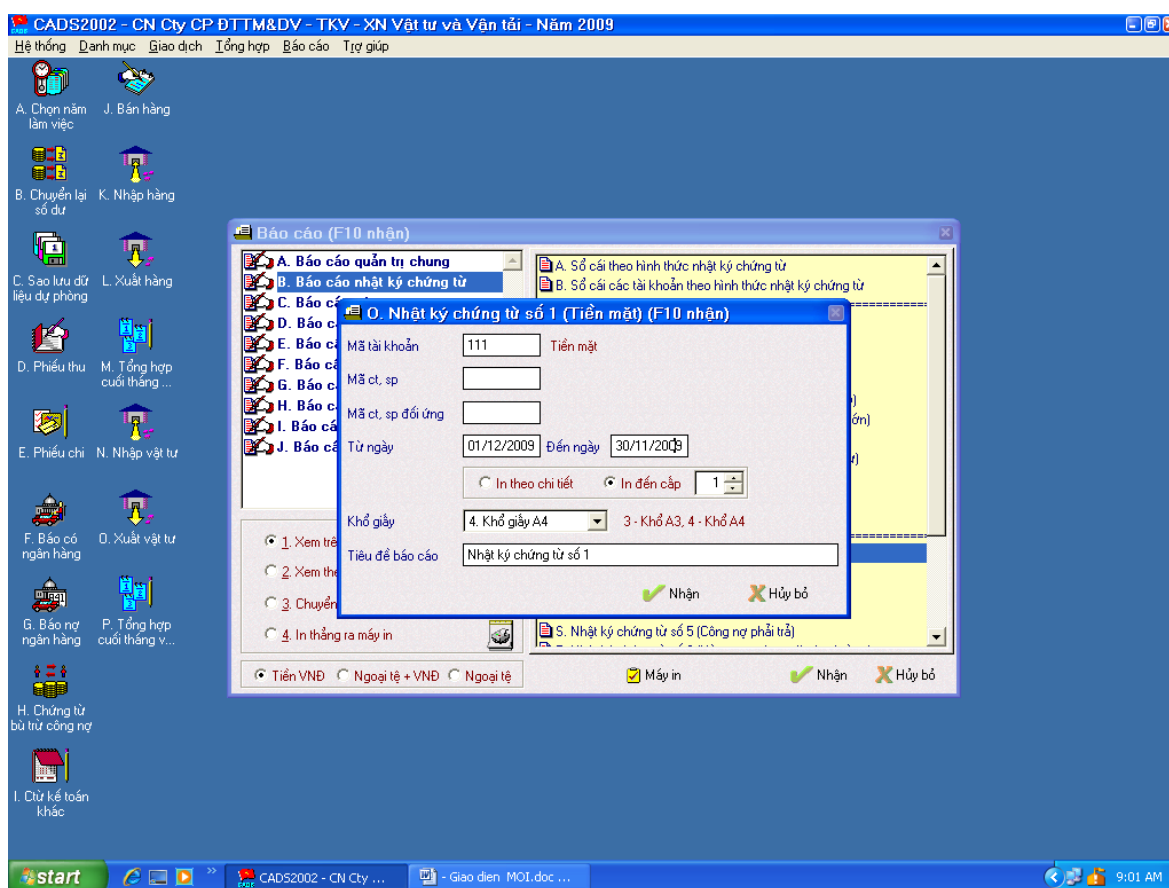
NGÀY...THÁNG...NĂM....

Người lập

(Trích bảng kê số 1 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

➤ *Kế toán tổng hợp chi tiền mặt*

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo Nhật kí chứng từ cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các Nhật kí chứng từ sau đó kích chuột trái vào Nhật kí chứng từ số 1, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 111 của tháng 11: chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Nhật kí chứng từ số 1 (Bảng 2.3)



Bảng 2.3. Giao diện Nhật kí chứng từ số 1

Mẫu biểu 2.8

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÍ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi Có Tk: 111 – Tiền mặt

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày 30/11/2009

Ngày	Cộng PS Cú	TK nợ 133	...	TK nợ 141	TK nợ 152	TK nợ 153	...	TK nợ 311	TK nợ 331	TK nợ 334	TK nợ 338	...	TK nợ 641	TK nợ 642	Dư cuối ngày
01/11	37.021.016	1.549.047	...	3.500.000			20.988.000	1.733.969	345.792.053
02/11	27.076.00	1.966.000	...	3.700.000			9.000.000	12.410.000	618.716.053
03/11	294.615.000	581.000			289.500.000	300.000	...		5.810.000	
...
20/11	938.804.810	3.340.739	14.548.569	1.750.000	1.834.000		...	16.592.000	12.458.000	760.789.989
...
25/11	62.087.500	537.500				300.000	...			582.281.061
...
30/11	1.184.953.082	5.379.517	...	14.000.000	10.340.909	7.820.000	...	474.854.922		595.203.540		...	9.736.523	12.029.725	
Cộng	4.162.897.302	30.173.582	...	134.700.000	19.118.909	37.956.386	...	2.307.079.202	39.340.410	1.022.737.540	2.655.000	...	119.616.523	102.155.932	

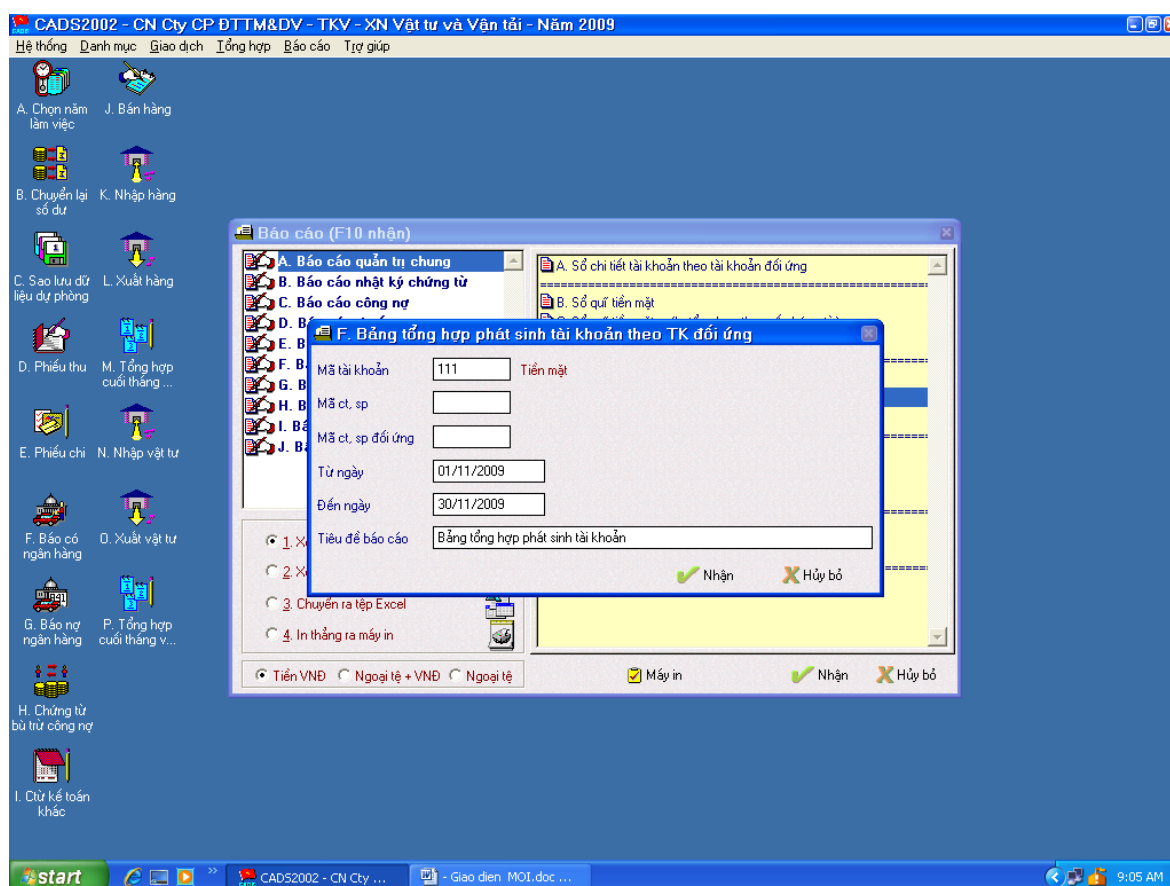
Số dư cuối tháng: 3.862.457

Ngày...tháng...năm

Người lập

(Trích Nhật kí chứng từ số 1 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo quản trị chung cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các Sổ tổng hợp sau đó kích chuột trái vào Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản theo tài khoản đối ứng, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 111: chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản (Bảng 2.4)



Bảng 2.4. Giao diện Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản

Mẫu biểu 2.9

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

BẢNG TỔNG HỢP PHÁT SINH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày 30/11/2009

Tài khoản 111 – Tiền mặt

Dư nợ đầu ngày 318.635.069

Phát sinh nợ 3.848.124.690

Phát sinh có 4.162.897.302

Dư nợ cuối ngày 3.862.457

TKĐƯ	Tên tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
112	Tiền gửi ngân hàng	3.600.000.000	
131	Phải thu khách hàng	40.848.000	
133	Thuế GTGT được khấu trừ		30.173.582
136	Phải thu nội bộ		163.500.000
138	Phải thu khác	1.358.590	
141	Tạm ứng	105.918.100	134.700.000
152	Nguyên liệu, vật liệu		19.118.909
153	Công cụ, dụng cụ		37.956.386
154	Chi phí SXKD dở dang		136.638.395
311	Vay ngắn hạn	65.000.000	2.307.079.202
331	Phải trả cho người bán		39.340.410
334	Phải trả công nhân viên		1.022.737.540
338	Phải trả, phải nộp khác		2.655.000
344	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	
627	Chi phí SX chung		47.225.423
641	Chi phí bán hàng		119.616.523
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp		102.155.932

Ngày...tháng...năm...

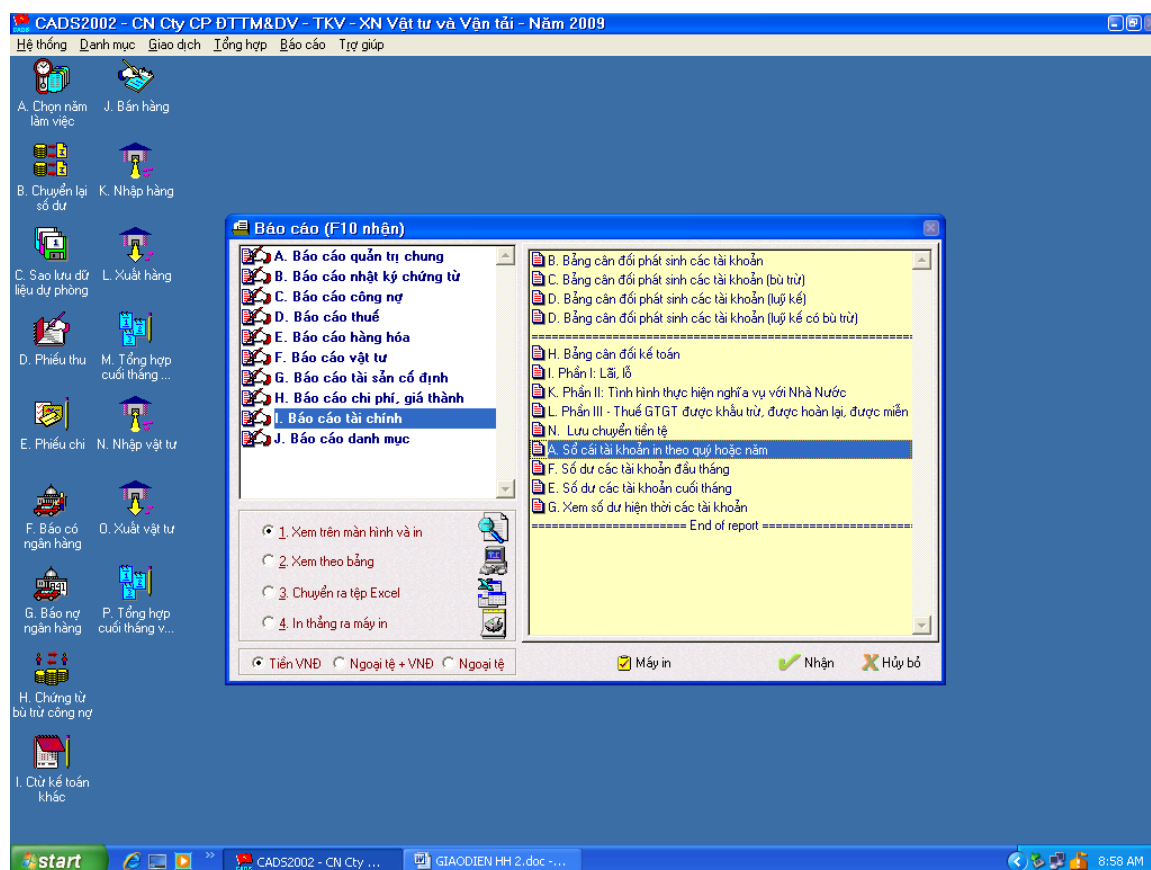
Người lập

(Trích Bảng tổng hợp PS Tài khoản của XN Vật tư và Vận tải)

➤ Để xem Sổ cái TK 111

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Tổng hợp cuối tháng thì sẽ hiện ra cửa sổ tháng cần tổng hợp sau đó ấn Nhận thì phần mềm sẽ tự động tổng hợp.

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo tài chính cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các sổ sách cần in sau đó kích chuột trái vào Sổ cái tài khoản theo quý hoặc năm, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK cần in sẽ hiện ra cửa sổ: chọn quý 4 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Sổ cái (Bảng 2.5)



Bảng 2.5. Giao diện Sổ cái

Mẫu biểu 2.10. Sổ cái

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111
QUÝ 4 NĂM 2009**

TK Đư	PS NỢ	PS CÓ	PS Nợ T10	PS Có T10	PS Nợ T11	PS Có T11	PS Nợ T12	PS Có T12	Luỹ kế PS Nợ	Luỹ kế PS Có
Dư đầu	349.155.670		349.155.670		318.635.069		3.862.457		522.741.055	
TPS	13.144.894.874	11.670.296.609	1.712.474.164		3.848.124.690	4.162.897.302	7.584.296.020	5.764.404.542	33.779.962.790	32.478.949.910
Dư cuối	1.823.753.935		318.635.069		3.862.457		1.823.753.935		1.823.753.935	
...
112	5.000.000.000		600.000.000							
...
131	107.965.450		5.720.000		40.848.000					
...
138	5.242.923		1.754.164		1.358.590		2.130.169		363.497.847	19.786.366
...										
141	357.686.501	772.400.000	5.00.000	285.700.000	105.918.100	134.700.000	246.768.401	352.000.000	2.379.900.015	2.672.000.000
...
311	639.000.000	4.509.147.402	200.000.000	229.825.728	65.000.000	2.307.079.202	374.000.000	1.972.242.472	3.854.200.000	6.134.936.318
334		4.011.998.061		758.271.703		1.022.737.540		2.230.898.818		12.610.873.392
...

Ngày...tháng...năm

Người lập

(Trích Sổ cái 111 của XN Vật tư và Vận tải)

2.2.2. Thực tế tổ chức kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại Xí nghiệp, thể hiện tính đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt toàn bộ vốn bằng tiền của Xí nghiệp trừ số được phép để lại quỹ để chi tiêu hàng ngày còn lại đều gửi tại Ngân hàng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh Xí nghiệp gửi tài khoản nhân rồi của mình vào Ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu Xí nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền.

Hiện nay Xí nghiệp đang thực hiện giao dịch với ngân hàng Vietin Bank (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng).

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của Xí nghiệp là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc các bảng sao kê của ngân hàng. Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán nhập số liệu vào phần mềm CADS 2002 tương tự như đối với các nghiệp vụ tiền mặt.

- Giấy nộp tiền
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Giấy báo có
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ
- Lệnh chuyển tiền
- Phiếu tính tiền lãi vay

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để

phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

2.2.2.3. *Sổ sách sử dụng*

- Bảng kê số 2
- Nhật kí chứng từ số 2
- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng
- Các sổ kế toán tổng hợp
- Các sổ kế toán chi tiết liên quan

2.2.2.4. *Quy trình ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng*

a. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng

➤ *Các nghiệp vụ thu TGNH.*

Các nghiệp vụ thu TGNH chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm :

- Thu từ việc bán hàng hoá, kinh doanh dịch vụ, cho thuê kho bãi.
- Thu tạm ứng, đặt cọc

➤ *Lập báo Có trên phần mềm*

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Giao dịch, cửa sổ màn hình sẽ hiện ra một loạt Danh mục Chứng từ kế toán, kế toán TGNH sẽ kích chuột trái vào Báo có NH thì sẽ hiện ra các Báo có gần nhất, sau đó ấn enter và ấn phím F4 để tạo mới và kế toán NH sẽ thực hiện việc nhập số liệu từ chứng từ gốc vào phần mềm. Ấn F10 phần mềm tự động lưu vào sổ Tiền gửi Ngân hàng, Sổ chi tiết TK112, Sổ tổng hợp phát sinh tài khoản, Bảng kê số 2, Sổ cái TK112.

Trong tháng 11 năm 2009 Xí nghiệp có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng. Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng.

Nghiệp vụ 3:

Ngày 02/11/2009, Công ty CP Than Khe Chàm thanh toán tiền hàng cho Xí nghiệp bằng chuyển khoản, khi đó Xí nghiệp sẽ nhận được Lệnh chuyển có 500.000.000 (*Năm trăm triệu đồng chẵn*) của Ngân hàng Công thương Vietinbank. Xí nghiệp nhận được Lệnh chuyển có (biểu 2.11) và Sao kê tài khoản chi tiết của Ngân hàng (biểu 2.12)

Mẫu biểu 2.11.

THANHTOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

LỆNH CHUYỂN CỐ

Mã KS: HQT1012

Số bút toán: 00000013

Loại giao dịch: Lệnh chuyển cố giá trị cao

Thời điểm TTXL: 20091102110852

Số hiệu giao dịch: 10000084

Ngày, giờ nhận: 02/11/2009 11:07:14

Ngân hàng gửi: NHTMCP Sai Gon Ha Noi HSC

Mã NH: 01348002 TK Nợ

Ngân hàng nhận: NHTMCP Công thương CN Hồng Bàng

Mã NH: 31201002 TK Có

Người phát lệnh: CTY TNHH 1TV THAN KHE CHÀM – TKV

Địa chỉ/Số CMND:

Tài khoản: 000519200050 Tại NH: 01348002 – NHTMCP Sai Gon Ha Noi HSC

Người nhận lệnh: CN CTY CP ĐTTM&DV–TKV–XN VAT TU VA VAN TAI

Địa chỉ/Số CMND:

Tài khoản: 1020100000213174 Tại NH: 31201002 – NHTMCP Công thương CN Hồng Bàng

Chương - loại - khoản - hạng mục:

Nội dung: CTY TNHH 1TV THAN KHE CHÀM – TKV TRA TIEN MUA VTU BAO HO...

Số tiền bằng số: 500.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu đồng

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

Mẫu biểu 2.12

NHTMCP Công thương Việt Nam

VietinBank

Sao kê tài khoản chi tiết

Statement of Account

Từ ngày <i>From date</i> 02/11/2009	Đến ngày <i>To date</i> 02/11/2009	Trang <i>Page</i>
-------------------------------------	------------------------------------	-------------------

Số tài khoản *Account no* 102010000213174 Tiền tệ *Currency* VND

Tên tài khoản *Account name* CNCTCPD.TUTM& Ngày phát sinh cước *Previcus Period*

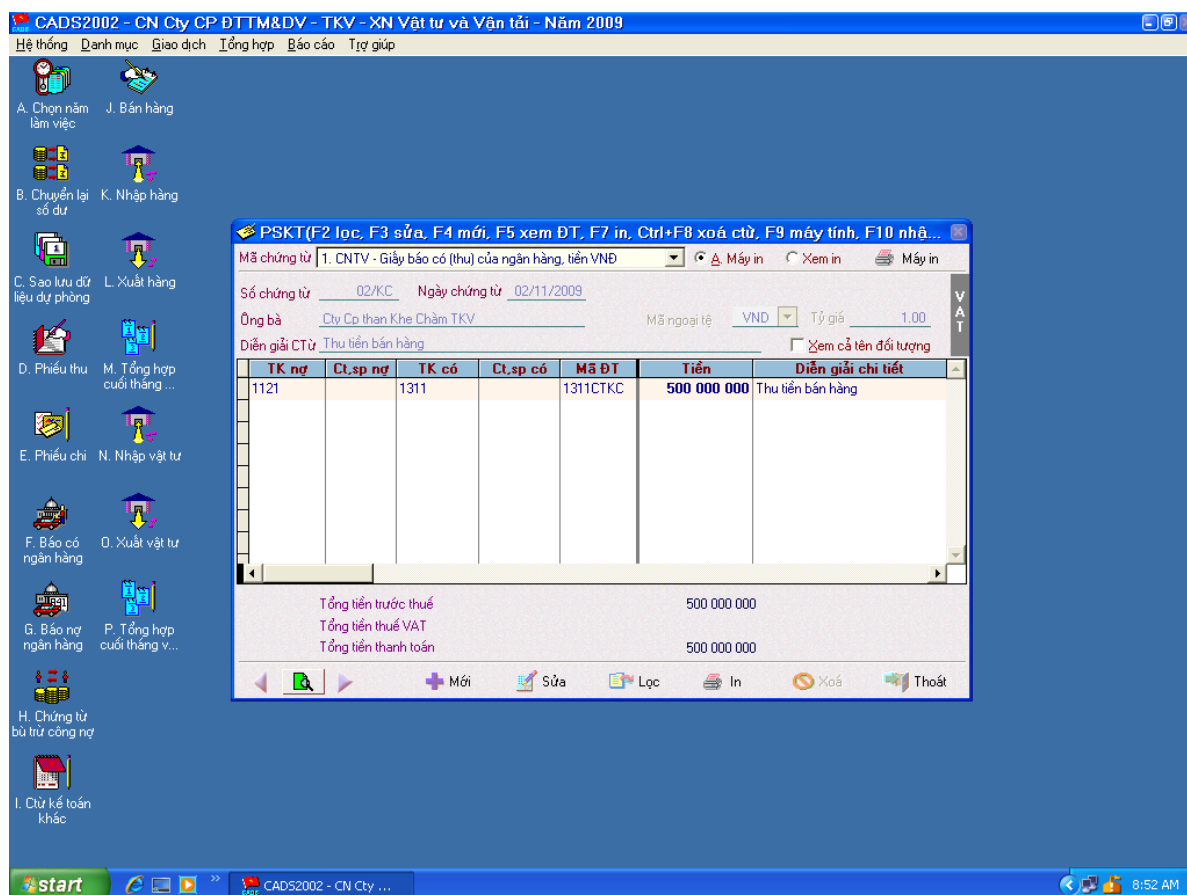
Dư đầu kỳ *Beginning Balance* 3,535,341,855.00 Số dư cuối kỳ *Ending Balance* **4,035,341,855.00**

Ngày phát sinh <i>Transaction date</i>	Số chứng từ <i>Document No</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Doanh số phát sinh <i>Transacted Amount</i>	
			Nợ <i>Debit</i>	Có <i>Credit</i>
02/11/2009	7	GHI CO KHAC VAO CA/SA CONG PHAT SINH		500.000.000

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Từ Sao kê tài khoản chi tiết và Lệnh chuyển có kế toán TGNH tiến hành việc nhập số liệu trên phần mềm CADS 2002.



Bảng 2.6. Giao diện giấy báo Có

➤ *Các nghiệp vụ chi TGNH*

Các nguồn chi TGNH chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm :

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng

➤ *Lập báo Nợ trên phần mềm*

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Giao dịch, cửa sổ màn hình sẽ hiện ra một loạt Danh mục Chứng từ kế toán, kế toán TGNH sẽ kích chuột trái vào Báo nợ NH thì sẽ hiện ra các Báo nợ gần nhất, sau đó ấn enter và ấn phím F4 để tạo mới và kế toán NH sẽ thực hiện việc nhập số liệu từ chứng từ gốc vào phần mềm. Ấn F10 phần mềm tự động lưu thì số liệu trên chứng từ trực tiếp đi vào Sổ Tiền gửi Ngân hàng, Sổ chi tiết TK112.

Nghiệp vụ 4:

Ngày 01/11/2009 Xí nghiệp mua vật tư phụ tùng của Công ty TNHH Trường Thành số tiền là 112.749.000 chưa thanh toán. Ngày 03/11/2009 Xí nghiệp nhận được giấy đề nghị thanh toán của Ô. Trần Quốc Hùng thuộc Phòng Kinh doanh yêu cầu thanh toán số tiền trên theo hóa đơn GTGT 81813..

Mẫu biểu 2.13

**XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI
PHÒNG KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN TIỀN

***Kính gửi:* Giám đốc Xí nghiệp Vật tư và Vận tải**

Tên tôi là: Trần Quốc Phương thuộc Phòng Kinh doanh.

Đề nghị Giám đốc duyệt chi chuyển trả tiền mua vật tư, phụ tùng cho Công ty TNHH Vật tư Trường Thành theo hóa đơn GTGT số : 0081813 ngày 01/11/2009

Vào tài khoản: **10201000201522** Ngân hàng Công thương Hải Phòng.

Tổng số tiền: **112.749.000 đ**

Viết bằng chữ: ***Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng.***

Hải Phòng, ngày 04 tháng 11 năm 2009

Giám đốc

KTT

TP. Kinh doanh

Người đề nghị

Mẫu biểu 2.14

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Lưu nội bộ Ngày 04 tháng 11 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT-3LL MB/2008 B 081813		
Đơn vị bán hàng: CTY TNHH VẬT TƯ TRƯỜNG THÀNH					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS:	0	2	0
			0	0	1
			1	1	5
			5	5	0
			0	1	
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CN CTY CP ĐẦU TƯ TM & DV TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI					
Địa chỉ: Địa chỉ: Số 04 – Cù Chính Lan - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM		MS:	0	2	0
			0	0	1
			7	0	6
			5	8	0
			0	0	1
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Choong khoan than L=1.5m	Cái	500	186.000	93.000.000
2	Choong khoan than L=1.8m	Cái	20	200.000	4.000.000
	Choong khoan than L=2m	Cái	20	210.000	4.200.000
	Choong khoan than L=3m	Cái	20	300.000	6.100.000
Cộng tiền hàng:					107.380.000
Thuế suất GTGT: 5%			Tiền thuế GTGT		5.369.000
Tổng cộng tiền thanh toán					112.749.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi chín triệu đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Kế toán TGNH căn cứ vào Lệnh chi và Sao kê tài khoản chi tiết (Biểu 2.16) do ngân hàng chuyển làm chứng từ gốc để theo dõi phát sinh.

Mẫu biểu 2.15

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN VIETTINBANK	LỆNH CHI PAYMENT ORDER Ngày/Date: 04/11/2009	Liên 1/Copy 1 Số/No.....															
Đơn vị trả tiền Payer: CN Cty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ _ TKV - XN Vật tư và Vận tải																	
Tài Khoản nợ: Debit A/C: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>1</td><td>3</td><td>1</td><td>7</td><td>4</td></tr> </table>			1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	1	3	1	7	4
1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	1	3	1	7	4			
Ngân hàng/With Bank: TM CP Công thương VN - CN Hồng Bàng		Tỉnh: TP: HP															
Số tiền bằng chữ/Amount in words: Một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn đồng.																	
Đơn vị nhận tiền/Payee: Công ty TNHH Vật tư Trường Thành																	
Tài khoản có/ Credit A/C: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr><td>1</td><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>5</td><td>2</td><td>2</td></tr> </table>			1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	0	1	5	2	2
1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	0	1	5	2	2			
Ngân hàng/ With Bank: TM CP Công thương VN - CN Hải Phòng		Tỉnh: Hải Phòng															
Nội dung/ Remark: Trả tiền mua hàng (HĐ: 81813)																	

Ngày hạch toán/Accounting date.....		Đơn vị trả tiền	
Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor	Kế toán Accountant	Chủ tài khoản A/c hold

Mẫu biểu 2.16

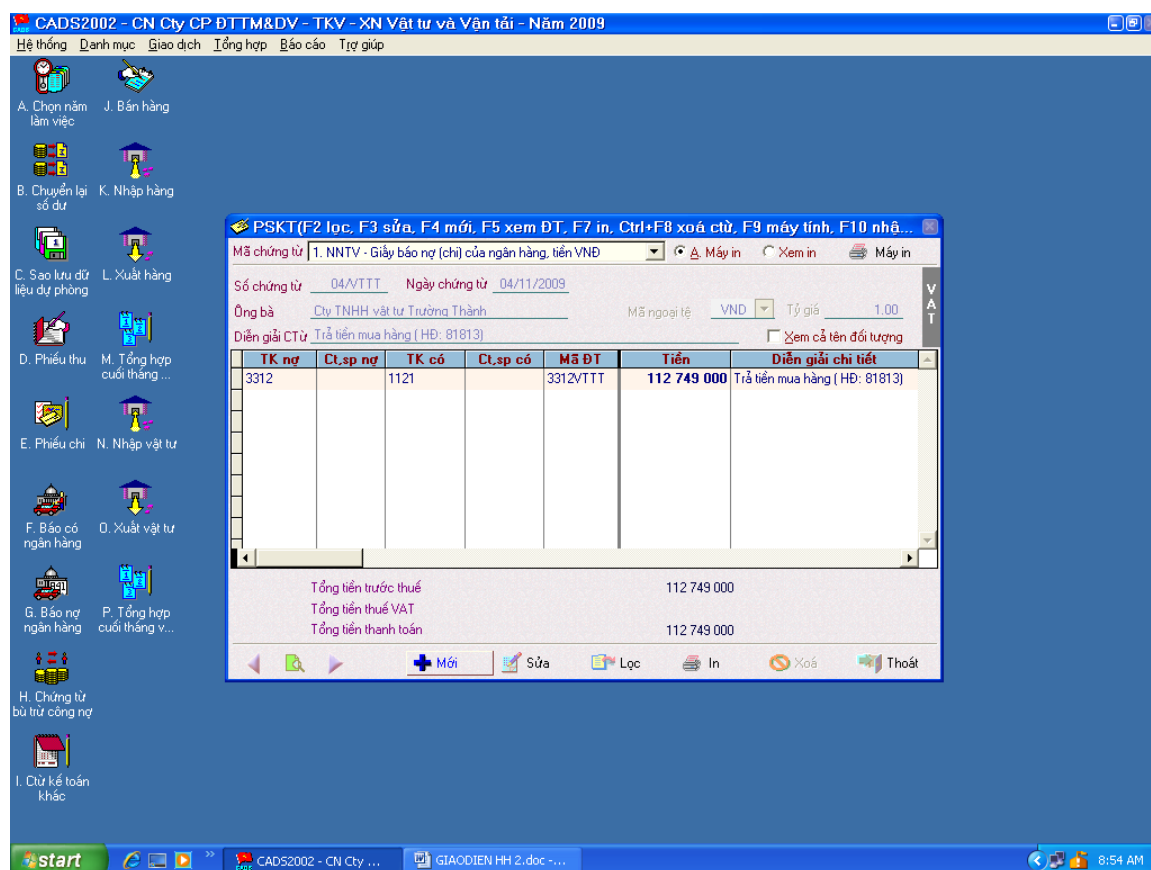
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN VIETTINBANK	SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT Ngày/Date: 04/11/2009	
Statement of Account		
Từ ngày From date 04/11/2009	Đến ngày To date 04/11/2009	Trang Page
Số tài khoản Account No 10200000213174		Tiền tệ Currency VND
Tên tài khoản Account Name CNCTYCPD. TUTM & Ngày phát sinh trước Previcus Period		
Số dư đầu kỳ Beginning Balance 4,035,341,855,00		Số dư cuối kỳ Ending Balance
4,077,968,429,00		

Ngày phát sinh (Transaction Date)	Số chứng từ (Document No)	Nội dung giao dịch (Description)	Doanh số phát sinh	
			Nợ Debit	Có Credit
04/11/2009	5	CHUYEN KHOAN CO VAO CA/SA	8,534,426,00	200,540,000,00
04/11/2009	22	CA MISCELLANEOUS DEBIT	36,630,000,00	
04/11/2009	22	CA MISCELLANEOUS DEBIT	112,749,000,00	
04/11/2009	23	CA TRANSFER DR	157,913,426,00	200,540,000,00

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Từ Lệnh chi và Sao kê tài khoản chi tiết kế toán TGNH tiến hành nhập số liệu trên phần mềm CADS 2002



Bảng 2.7. Giao diện giấy báo Nợ

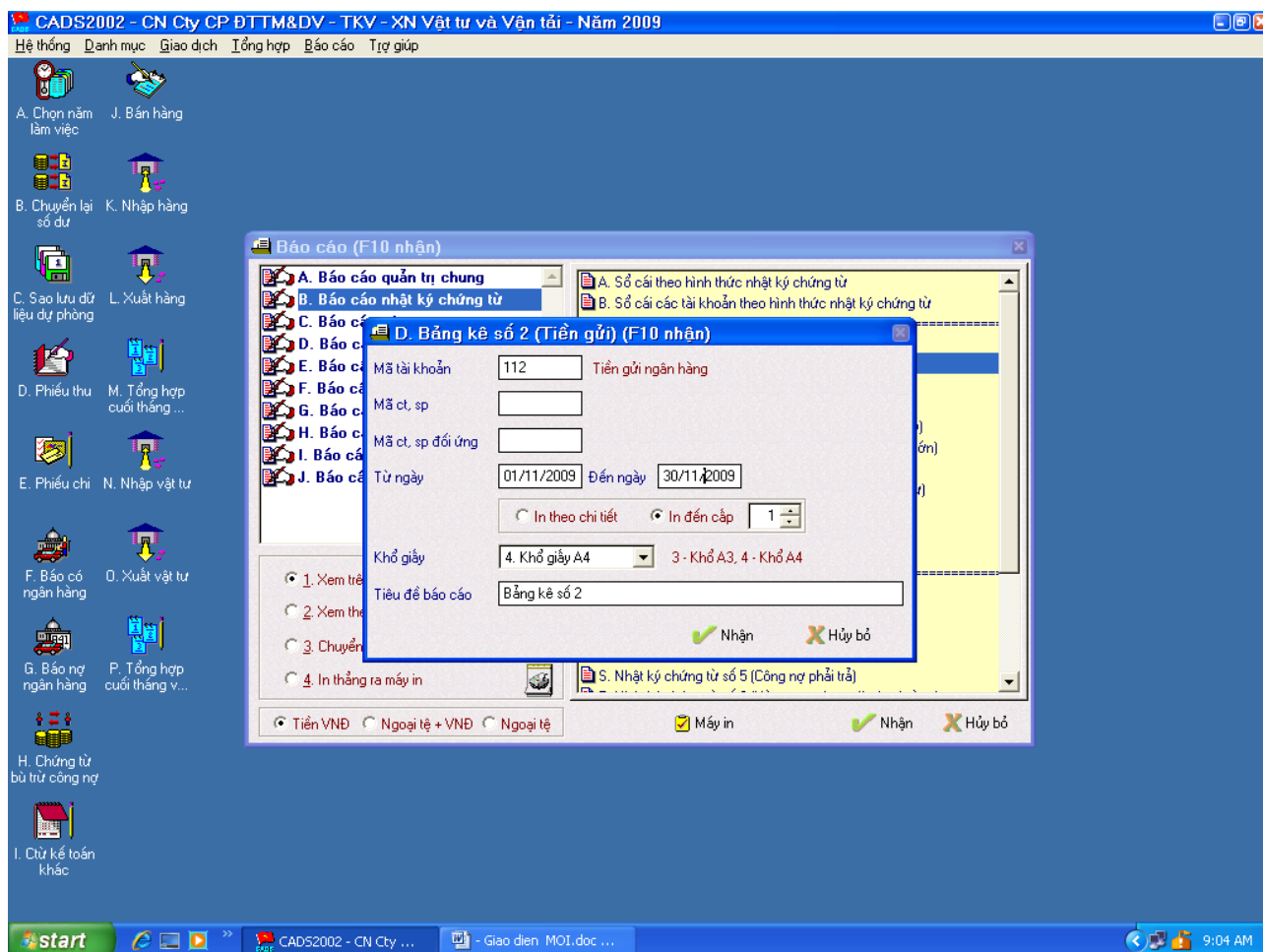
b. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng.

➤ *Kế toán tổng hợp thu TGNH*

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Tổng hợp cuối tháng thì sẽ hiện ra cửa sổ tháng cần tổng hợp sau đó ấn Nhận thì phần mềm sẽ tự động tổng hợp.

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo quản trị chung cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các sổ sách cần in sau đó kích chuột

trái vào Bảng kê chứng từ của một tài khoản, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 112 sau đó chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 và ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Bảng kê số 2 (Bảng 2.8)



Bảng 2.8. Giao diện Bảng kê số 2

Mẫu biểu 2.17

**CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV-
XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI**

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi Nợ Tk: 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày: 30/11/2009 Số dư đầu tháng: 9.679.083.729

Ngày	Cộng PS nợ	TK Có 131	TK Có 136	TK Có 144	TK Có 331	TK Có 344	...	Dư cuối ngày
02/12	500.000.000	500.000.000					...	500.000.000
03/11	300.000.000		1.200.000.000				...	800.000.000
04/11	5.900.000	5.900.000					...	805.900.000
...
11/11	69.548.100			19.548.100	50.000.000		...	770.361.653
...
19/11	200.000.000						...	694.294.797
...
30/11	97.950.00	15.950.000		82.000.000			...	587.756.951
...
Cộng	25.300.480.316	21.696.972.624	2.000.000.000	450.283.600	84.434.797	42.000.000	...	

Số dư cuối tháng: 9.380.613.589

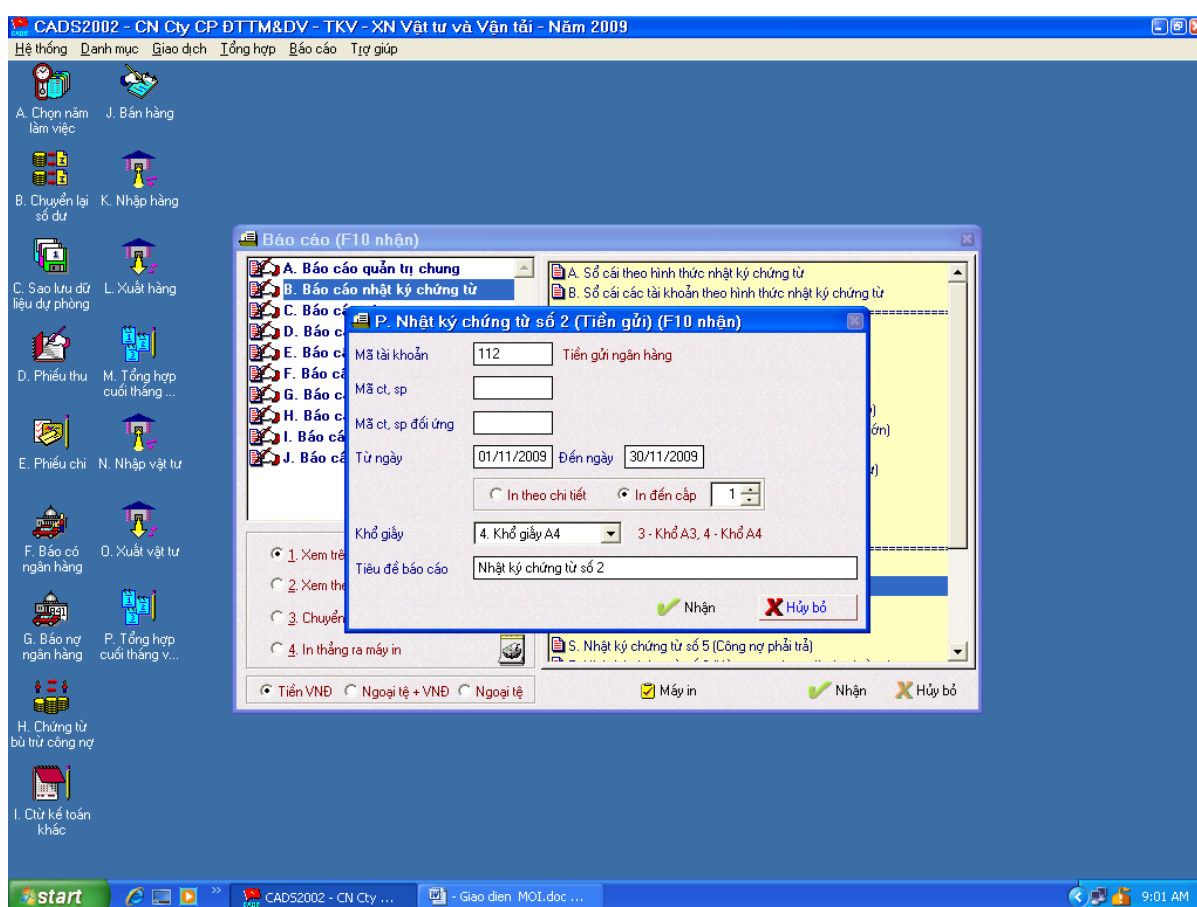
NGÀY...THÁNG...NĂM....

Ng ười lập

(Trích bảng kê số 2 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

➤ *Kế toán tổng hợp chi tiền gửi Ngân hàng*

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo Nhật kí chứng từ cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các Nhật kí chứng từ sau đó kích chuột trái vào Nhật kí chứng từ số 2, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 112 rồi chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Nhật kí chứng từ số 2 (Bảng 2.9)



Bảng 2.9. Giao diện Nhật kí chứng từ số 2

Mẫu biểu 2.18

CN CTY CP ĐTTM & DV – TKV – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Ghi có TK : 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Từ ngày 01/11/2009 đến ngày : 30/11/2009

Số dư đầu tháng : 9.679.083.729

Ngày	Cộng PS có	TK nợ 111	TK nợ 133	...	TK nợ 331	TK nợ 333	...	TK nợ 641	TK nợ 642	Dư cuối ngày
03/11	300.000.000	300.000.000				9.884.491.129
04/11	112.749.000			...	107.380.000	5.369.000	...			9.927.117.703
...
10/11	1.282.724.508		111.367	...	1.267.350.600	13.470.794	...		1.971	11.521.643.940
16/11	556.276.556		113.093	...	555.032.538		...		40.016	15.296.326.619
...
23/11	3.431.754.228		821.935	...	3.422.712.952		...		8.219.341	15.995.825.489
24/11	3.503.861.732		129.959	...	3.502.432.181		...	1.210.200	89.392	12.496.163.757
...
30/11	789.169.511	600.000.000	4.329.050	...	88.738.887		...		36.000	9.380.613.589
Cộng	25.598.950.456	3.600.000.000	12.108.664	..	19.291.431.579	244.937.636	6.434.445	20.201.627	

Số dư cuối tháng : 9.380.613.589

Ngày.....tháng.....năm.....

(Trích Nhật kí chứng từ số 2 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Mẫu biểu 2.19

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày 30/11/2009

Tài khoản 112– Tiền gửi Ngân hàng

Dư nợ đầu ngày 9.679.083.729

Phát sinh nợ 25.300.480.316

Phát sinh có 25.598.950.456

Dư nợ cuối ngày 9.380.613.589

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
2/11	02KC	Thu tiền bán hàng (CTy CP Than Khe Chàm TKV)	1311	500.000.000	
...
3/11	255	Rút tiền Ngân hàng về quỹ (Đặng Thanh Thủy)	1111		300.000.000
4/11	04/BL	Trả tiền phun cát vỏ Sà lan HD: 5310 (CTy Bảo Lâm)	3312		36.630.000
...
4/11	04/VTT T	Trả tiền mua hàng HD: 81813 (Cty Trường Thành)	3312		112.749.000
...
06/11	06/TĐ	Trả tiền mua hàng HD: 25227 (Cty Trí Đức)	3312		44.198.000
...
26/11	26/QS	Trả tiền VC than (Đội VTTBCH QS Thái Bình)	3312		79.027.397
...
30/11	30/QĐ	Lãi tiền vay	635		19.106.574
30/11	30/TBD	Trả tiền mua que hàn (Cty Thái Bình Dương)	3312		22.780.800

Ngày... tháng... năm

Người lập

(Trích Sổ chi tiết TK 112 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Mẫu biểu 2.20

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày 30/11/2009

Tài khoản 112– Tiền gửi Ngân hàng

Dư nợ đầu ngày 9.679.083.729
Phát sinh nợ 25.300.480.316
Phát sinh có 25.598.950.456
Dư nợ cuối ngày 9.380.613.589

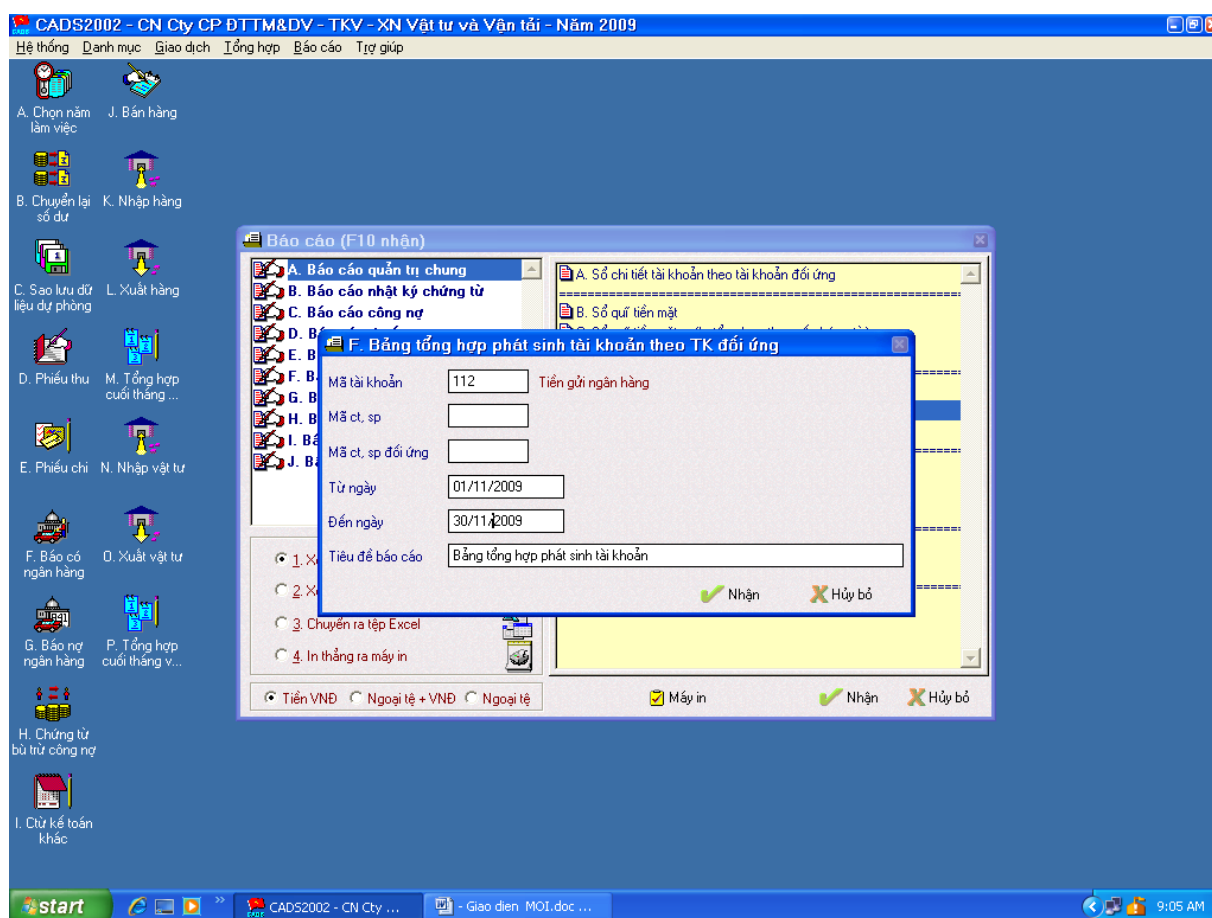
Chứng từ			Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Số dư tiền gửi
Ngày	Báo có	Báo nợ			Gửi	Rút	
02/11	02/KC		Thu tiền bán hàng (CTy CP Than Khe Chàm TKV)	1311	500.000.000		10.179.083.729
03/11	03/CHP	
03/11		255	Rút tiền Ngân hàng về quỹ (Đặng Thanh Thủy)	1111		300.000.000	9.884.491.129
04/11		04/BL	Trả tiền phun cát vỏ Sà lan HD: 5310 (CTy Bảo Lâm)	3312		36.630.000	10.048.401.129
...
04/11		04/VTTT	Trả tiền mua hàng HD: 81813 (Cty Trường Thành)	3312		112.749.000	9.927.117.703
...
06/11		06/TĐ	Trả tiền mua hàng HD: 25227 (Cty Trí Đức)	3312		44.198.000	10.314.969.526
...
07/11	07/NL		Thu tiền đặt cọc tham gia VC than (CTy Nam Loan)	344	21.000.000		10.040.920.026
		
30/11		30/QĐ	Lãi tiền vay	635	19.106.574		9.403.405.389
			Trả tiền mua que hàn (Cty Thái Bình Dương)	3312		22.780.800	

Ngày... tháng... năm

Người lập

(Trích Sổ tiền gửi Ngân hàng của Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo quản trị chung cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các Sổ tổng hợp sau đó kích chuột trái vào Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản theo tài khoản đối ứng, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 112 rồi chọn từ 01/11/2009 đến 30/11/2009 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản (Bảng 2.9)



Bảng 2.10. Giao diện Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản 112

Mẫu biểu 2.21

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

BẢNG TỔNG HỢP PHÁT SINH TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/11/2009 đến ngày 30/11/2009

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Dư nợ đầu ngày 9.679.083.729

Phát sinh nợ 25.300.480.316

Phát sinh có 25.598.950.456

Dư nợ cuối ngày 9.380.613.589

TKĐƯ	Tên tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
111	Tiền mặt		3.600.000.000
131	Phải thu khách hàng	22.696.972.624	
133	Thuế GTGT được khấu trừ		12.108.664
136	Phải thu nội bộ	2.000.000.000	
138	Phải thu khác		300.002
144	Thế chấp, kí cược, kí quỹ ngắn hạn	450.283.600	44.415.000
154	Chi phí SXKD dở dang		8.602.560
331	Phải trả cho người bán	84.434.797	19.291.431.579
333	Thuế và các khoản phải nộp NN		244.937.636
338	Phải trả phải nộp khác		196.936.592
344	Nhận kí cược, kí quỹ dài hạn	42.000.000	
515	Doanh thu tài chính	26.789.295	
635	Chi phí tài chính		19.106.574
627	Chi phí SX chung		154.475.777
641	Chi phải bán hàng		6.434.445
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp		20.201.627

Ngày...tháng...năm...

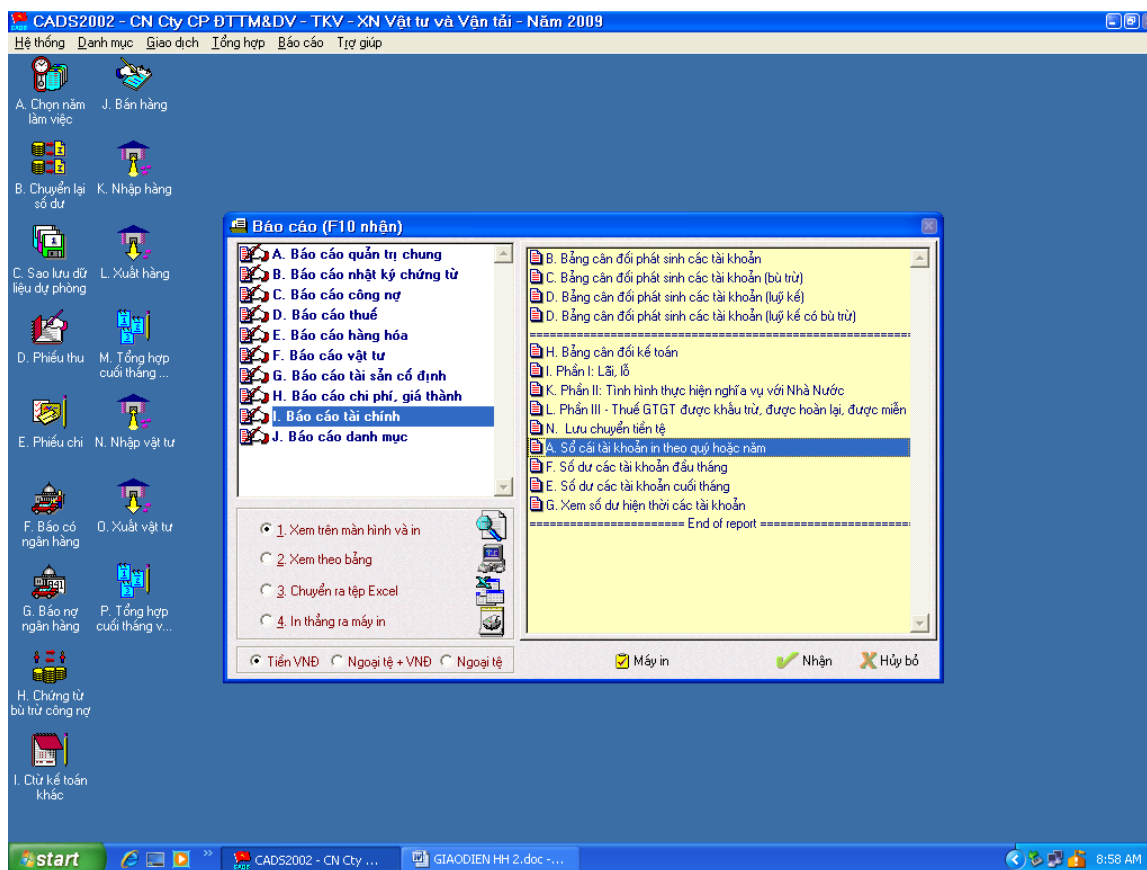
Người lập

(Trích Bảng tổng hợp PS tài khoản của XN Vật tư và Vận tải)

➤ Để xem Sổ cái TK 112

Từ màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Tổng hợp cuối tháng thì sẽ hiện ra cửa sổ tháng cần tổng hợp sau đó ấn Nhận thì phần mềm sẽ tự động tổng hợp.

Trên màn hình CADS 2002 kích chuột trái vào Báo cáo thì sẽ hiện lên Báo cáo kế toán gồm một loạt Sổ sách cần báo cáo. Kích chuột trái vào Báo cáo tài chính cửa sổ sẽ hiện lên danh sách các sổ sách cần in sau đó kích chuột trái vào Sổ cái tài khoản theo quý hoặc năm, hiện lên cửa sổ thì kế toán nhập mã TK 112 rồi chọn quý 4 sau đó ấn “Nhận” thì sẽ hiện ra Sổ cái (Bảng 2.11)



Bảng 2.11 Giao diện Sổ cái

Mẫu biểu 2.22

CN CTY CP ĐTTM&DV-TKV- XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112
QUÝ : 4 NĂM 2009

TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Phát sinh nợ T10	Phát sinh có T10	Phát sinh nợ T11	Phát sinh có T11	Phát sinh nợ T12	Phát sinh có T12	Lũy kế PS nợ	Lũy kế PS có
Dư đầu	12.255.357.009		12.255.357.009		9.679.083.729		9.380.613.589		5.801.385.081	
Tổng PS	82.635.398.583	88.964.857.492	20.395.418.117	22.971.691.397	25.300.480.316	25.598.950.456	36.939.500.150	40.394.215.639	311.749.921.040	311.625.408.021
Dư cuối	5.925.898.100		9.679.083.729		9.380.613.589		5.925.898.100		5.925.898.100	
111						3.600.000.000		6.900.000.000	1.301.000.000	25.150.000.000
...
131	77.649.591.091	3.000.000	19.812.443.689		21.696.972.624		35.276.174.769	3.000.000	292.009.921.945	3.000.000
136	698.742.803		388.000.000		2.000.000.000		174.742.803		5.423.991.737.	
144	450.283.600	504.538.100		460.123.100	450.283.600	44.415.000			468.973.600	1.281.267.400
331	966.351.891	70.008.251.787	129.833.184	19.229.608.037	84.434.797	19.291.431.579	752.083.910	29.487.212.171	1.298.030.998	255.256.181.984
635		61.994.803		23.8640.126		19.106.574		19.024.103		265.901.884

Ngày... tháng... năm

Người lập

(Trích Sổ cái tài khoản 112 của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải không phát sinh nghiệp vụ này.

PHẦN 3**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIÊN TỔ CHỨC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI****3.1. Nhận xét đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải**

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải được thành lập từ năm 1995, sau 15 năm tiếp quản Xí nghiệp đã trải qua không ít khó khăn và thử thách. Để khẳng định chỗ đứng của mình trên thương trường ban Lãnh đạo Xí nghiệp cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã phải phấn đấu, nỗ lực rất lớn. Xí nghiệp không ngừng nâng cao trình độ quản lý, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Xí nghiệp thực hiện tốt các kế hoạch kinh doanh, các nhiệm vụ đề ra trong từng chu kì kinh doanh cụ thể. Chính sự nỗ lực liên tục không ngừng đó mà uy tín của Xí nghiệp ngày càng được nâng cao, nhiều bạn hàng tín nhiệm, hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp ngày càng mở rộng, nhờ đó mà đời sống của cán bộ công nhân viên cũng được nâng cao.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động có tính linh hoạt cao nhất trên bảng Báo cáo tài chính. Nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của Xí nghiệp tại thời điểm. Ý thức được tầm quan trọng của Vốn bằng tiền và để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Xí nghiệp, thực hiện việc mua sắm, chi phí,... nhằm đảm bảo công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cao, Xí nghiệp đã tổ chức quản lý một cách tối đa vốn bằng tiền.

Bộ máy kế toán của Xí nghiệp được tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Đội ngũ cán bộ trẻ nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo, khoa học, có tính tương trợ nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao. Hơn nữa với sự trợ giúp của máy tính, công tác kế toán của Xí nghiệp đã giảm bớt tính phức tạp và khối lượng công việc, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán đầy đủ kịp thời, nhanh chóng, chính xác phù hợp với các yêu cầu quản lý của Xí nghiệp.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng có những ưu nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm

Xí nghiệp đã tạo được một mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý hoạt động một cách khá nhịp nhàng, giúp cho Giám đốc Xí nghiệp điều hành một cách có hiệu quả.

Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán thường xuyên chú trọng đến công tác nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với bộ máy gọn nhẹ, sự phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán đã cung cấp số liệu cụ thể, chi tiết, chính xác và tổng hợp cho nhau một cách đầy đủ kịp thời nhằm thực hiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền.

Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Xí nghiệp đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, bên cạnh việc chấp hành các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành như:

- Mọi vấn đề biến động của vốn bằng tiền đều có đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.

-Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

Để hạch toán vốn bằng tiền, Xí nghiệp đã phân chia công việc rõ ràng:

+Một kế toán chịu trách nhiệm kế toán tiền mặt

+ Một kế toán chịu trách nhiệm kế toán tiền gửi ngân hàng

+ Một người là thủ quỹ

- Hiện nay Xí nghiệp đã áp dụng phần mềm kế toán máy theo hình thức Nhật kí chứng từ, nên đã khai thác hết công dụng của máy vi tính và phần mềm. Nhất là cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc rất lớn, nhân viên kế toán không phải làm thêm giờ vì đã có phần mềm xử lý rất nhanh chóng và chính xác nên không xảy ra sai sót đáng tiếc. Đưa phần mềm vào đã góp phần giảm nhẹ sức lực cũng như thời gian làm việc cho kế toán làm cho công việc theo đúng tiến độ ban lãnh đạo đề ra và đạt hiệu quả cao hơn.

Việc thực hiện phân tách công việc kế toán của những người liên quan đến vốn bằng tiền giảm thiểu được thất thoát vốn bằng tiền. Hay nói cách khác là một khâu kiểm soát chặt chẽ vốn bằng tiền. Đặc biệt là giữa thủ quỹ với kế toán tiền mặt. Nếu không tách biệt hai người này thì khả năng biến thủ công quỹ là rất lớn.

Việc nhập xuất tiền mặt đều được dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, được kế toán trưởng soát xét, và Giám đốc Xí nghiệp phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền, thủ quỹ,... Vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi đều hợp lệ, và có mục đích rõ ràng.

Hình thức sổ sách kế toán mà Xí nghiệp đang áp dụng là hình thức Kế toán máy theo trình tự hạch toán của hình thức Nhật kí chứng từ, đây là hình thức kế toán phù hợp với quy mô và đặc điểm của Xí nghiệp. Khối lượng nghiệp vụ phát sinh khá nhiều, do đó với hình thức kế toán này sẽ hạn chế được khối lượng sổ sách công kênh, tạo cho công tác kế toán tổng hợp cuối cùng được nhanh chóng kịp thời và không bị ứ đọng.

3.1.2. Những hạn chế tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

Như vậy về cơ bản tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của Xí nghiệp đã đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của Xí nghiệp cũng như đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán còn tồn tại những vướng mắc sau:

Xí nghiệp chưa thực hiện đúng theo quy định tại Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, nghị định số 123/2008/NĐ hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và thông tư 129/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT thì để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với những hóa đơn hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán trên 20 triệu VNĐ doanh nghiệp bắt buộc phải thanh toán qua ngân hàng, vẫn còn thanh toán những khoản tiền mặt lớn như: Nghiệp vụ ngày 02/11 thu tiền đặt cọc tham gia vận chuyển than theo Hợp đồng số 126 ngày 01/9/2009 của DNTN Trúc Mai số tiền là 35.000.000 đồng. Trong khi cả Xí nghiệp và DNTN Trúc Mai đều mở tài khoản tại Ngân hàng. Việc thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn là vi phạm nguyên tắc quản lý quỹ, hơn nữa không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

- Cuối tháng hoặc định kỳ Xí nghiệp chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp khó khăn. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt của Xí nghiệp.

- Hiện nay Xí nghiệp không sử dụng tài khoản 113-Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào Ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua Ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy trước được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nhưng cho đến nay Xí nghiệp Vật tư và Vận tải vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này.

- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã áp dụng phần mềm kế toán máy nhưng do phần mềm CADS 2002 còn nhiều hạn chế như bị lỗi ở một số phần hành kế toán, do vậy những phần hành bị lỗi vẫn phải ghi bằng tay hơn nữa không thể in được đầy đủ sổ sách kế toán của hình thức Nhật kí chứng từ nên Xí nghiệp có nên nâng cấp hoặc thay thế bằng phần mềm kế toán khác có nhiều tiện ích hơn

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

Như chúng ta đã biết đối với bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn mà mình bỏ ra ban đầu và trong đó việc nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền doanh nghiệp cần phải phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế trên để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Sau một thời gian thực tập tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải, dưới sự hướng dẫn tận tình của các cô, các chị trong phòng kế toán, em đã được tìm hiểu tất cả

các phần hành kế toán nói chung và phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Với mong muốn đóng góp một chút công sức nhỏ bé vào công việc hoàn thiện công tác vốn bằng tiền của Xí nghiệp, em mạnh dạn xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải:

❖ *Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện việc thanh toán qua hệ thống Ngân hàng*

Đối với những khoản tiền lớn Xí nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Hiện nay hệ thống Ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ những Ngân hàng nhà nước mà còn có rất nhiều những Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mức lãi suất cạnh tranh và sự chăm sóc khách hàng nhiệt tình, việc chuyển tiền giữa các Ngân hàng rất nhanh chóng và thuận lợi. Đa số các doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng, việc thanh toán qua hệ thống Ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển.

❖ *Ý kiến thứ 2: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ:*

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo Giám đốc xem xét

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành hai bản: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Ưu điểm: Giúp cho các nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Sau đây là mẫu biên bản kiểm kê quỹ:

Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

Địa chỉ: Số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng - HP

Mẫu số: 08a-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

BẢN KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho Việt Nam đồng)

Số:.....

Hôm nay, vào ... giờ... ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán
- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà:.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3		
III	Chênh lệch (III= I – II)		

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng
kê quỹ

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm

(Ký, họ tên)

- ❖ *Ý kiến thứ 3. Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – tiền đang chuyển vào hạch toán*

Xí nghiệp nên đưa TK này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

- ❖ *Ý kiến thứ 4: Hoàn thiện việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ*

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có ý nghĩa rất lớn trong quản lý tài chính của doanh nghiệp. Nó là công cụ hữu ích để quản lý và theo dõi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một trong những ràng buộc lớn nhất của Doanh nghiệp là tại thời điểm nào cũng phải có đủ lượng tiền để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đã đến hạn trả.

Để có thể đánh giá được một cách chính xác thực trạng của doanh nghiệp thì số liệu trên báo cáo phải chính xác phản ánh trung thực hợp lý.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải được lập theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có thể lập theo 2 phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp. Tương ứng với mỗi phương pháp có mẫu báo cáo riêng, nhưng mẫu báo cáo chỉ khác nhau ở phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.

Sau đây là mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Năm....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và “Mã số”.

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) ()*

Năm.....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01			
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02			
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23			

đơn vị khác				
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú (*): Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và “Mã số”.

- ❖ *Ý kiến thứ 5: Hoàn thiện việc thay thế phần mềm CADS 2002 bằng phần mềm mới ưu việt hơn*

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó Xí nghiệp có thể chọn cho mình một chương trình phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp. Sau đây em xin giới thiệu một phần mềm kế toán khá phổ biến và uy tín trên thị trường và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo em Xí nghiệp có thể tin tưởng và sử dụng phần mềm này trong tương lai:

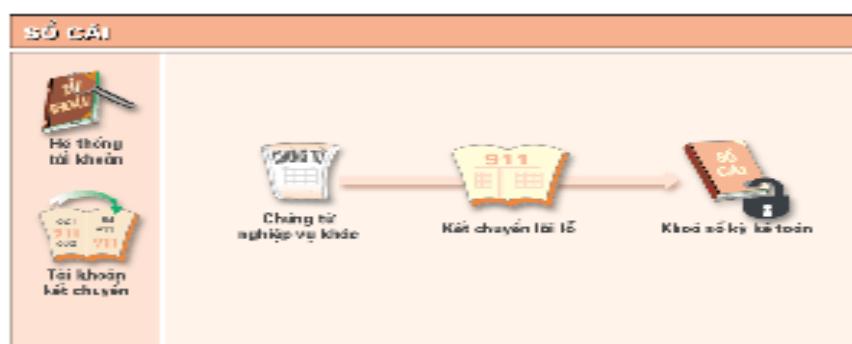
Phần mềm: MISA-SME Express 7.9



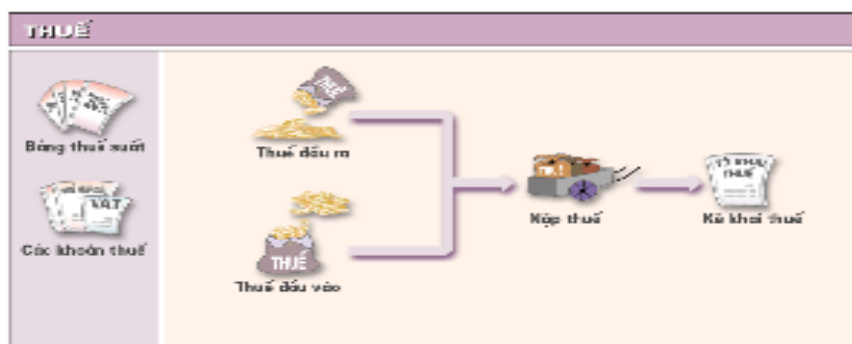
Phần mềm MISA-SME phiên bản 7.9 là giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với ưu điểm dễ sử dụng, được sử dụng phổ biến và đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp. Phần mềm có đủ các tính năng như: Cập nhật các quyết định 15/2006/QĐ-BTC và quyết định 48/2006 QĐ-BTC; Cho phép hạch toán thu, chi theo nhiều đối tượng; Tự động xử lý chênh lệch tỷ giá tức thời hoặc vào cuối kỳ; Theo dõi công nợ chi tiết theo từng khách hàng, nhà cung cấp; Tự động tính lương, thuế thu nhập, bảo hiểm; Tự động kết chuyển lãi – lỗ cuối kỳ; Kết xuất báo cáo ra nhiều định dạng khác nhau: Excel, Word ...



Các phân hệ trong MISA-SME phiên bản 7.9



Phân hệ Sổ cái trong MISA-SME Express 7.9



Phân hệ Thuế trong MISA-SME Express 7.9

Trên đây là một số phương hướng hoàn thiện công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em xin mạnh dạn nêu ra. Mong rằng đó sẽ là những phương hướng đem lại hiệu quả cho Xí nghiệp trong tương lai.

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng vốn bằng tiền là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Qua thời gian thực tập tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Xí nghiệp Vật tư và Vận tải và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn. Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

- ❖ Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.
- ❖ Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2009. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp Vật tư Và Vận tải.

Do thời gian thực tập tại Xí nghiệp có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán trong Xí nghiệp để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Xí nghiệp cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo **ThS.Hoà Thị Thanh Hương** đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Trần Thị Ngọc Hải